



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 42

Ngày 15 tháng 8 năm 2012

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

12-7-2012	Nghị quyết số 06/2012/NQ-HĐND về một số mức chi cụ thể cho hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.	5
12-7-2012	Nghị quyết số 07/2012/NQ-HĐND về việc thu phí trông giữ xe trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.	7
12-7-2012	Nghị quyết số 08/2012/NQ-HĐND về ban hành mức thu vận động đóng góp quản lý và sử dụng quỹ quốc phòng - an ninh trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.	10
12-7-2012	Nghị quyết số 09/2012/NQ-HĐND về một số chính sách hỗ trợ hộ nghèo và hộ cận nghèo trên địa bàn thành phố giai đoạn 2012 - 2015.	12

12-7-2012	Nghị quyết số 10/2012/NQ-HĐND về ban hành mức thu và sử dụng lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.	14
12-7-2012	Nghị quyết số 11/2012/NQ-HĐND về ban hành mức thu phí tham gia đấu giá quyền sử dụng đất, mức thu phí đấu giá tài sản và tỷ lệ phần trăm trích lại trên số tiền thu phí đấu giá tài sản, phí tham gia đấu giá tài sản trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.	16
12-7-2012	Nghị quyết số 12/2012/NQ-HĐND về sửa đổi Khoản 2, Điều 1 Nghị quyết số 04/2009/NQ-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2009 của Hội đồng nhân dân Thành phố về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp bản sao từ sổ gốc, lệ phí chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.	18
12-7-2012	Nghị quyết số 13/2012/NQ-HĐND về việc đặt tên đường mang tên Đồng chí Phạm Văn Đồng, Đồng chí Mai Chí Thọ, Đồng chí Trần Văn Giàu.	20
13-7-2012	Nghị quyết số 14/2012/NQ-HĐND về chất vấn và trả lời chất vấn tại Kỳ họp thứ năm Hội đồng nhân dân Thành phố khóa VIII.	22
13-7-2012	Nghị quyết số 15/2012/NQ-HĐND về nhiệm vụ kinh tế - xã hội 6 tháng cuối năm 2012.	25

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

25-7-2012	Quyết định số 30/2012/QĐ-UBND về ban hành Quy định về tuyển dụng công chức và xếp lương khi bổ nhiệm ngạch.	30
-----------	---	----

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 1

16-7-2012	Quyết định số 02/2012/QĐ-UBND ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Thanh tra quận 1.	44
-----------	--	----

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6

24-7-2012	Quyết định số 03/2012/QĐ-UBND về việc phân công quản lý nhà nước đối với các tổ chức hội trên địa bàn Quận 6.	53
-----------	---	----

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7

31-7-2012	Quyết định số 08/2012/QĐ-UBND về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Văn hóa và Thông tin quận 7, ban hành kèm theo Quyết định số 14/2008/QĐ-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2008 của Ủy ban nhân dân quận 7.	58
-----------	---	----

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 10

19-7-2012	Quyết định số 04/2012/QĐ-UBND về việc bãi bỏ văn bản.	60
-----------	---	----

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 12

10-7-2012	Quyết định số 13/2012/QĐ-UBND về việc sửa đổi, bổ sung Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn Quận 12 (được ban hành theo Quyết định số 14/2011/QĐ-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Quận 12).	62
-----------	---	----

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI

20-02-2012	Quyết định số 02/2012/QĐ-UBND về ban hành kế hoạch triển khai Đề án “Tuyên truyền, giáo dục phẩm chất, đạo đức phụ nữ Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất	64
------------	---	----

nước (giai đoạn 2011 - 2015)” trên địa bàn huyện Củ Chi.

01-3-2012	Chỉ thị số 01/2012/CT-UBND về việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ Quân sự - Quốc phòng năm 2012.	72
19-4-2012	Quyết định số 03/2012/QĐ-UBND ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp huyện Củ Chi.	75
14-6-2012	Chỉ thị số 03/2012/CT-UBND về việc xây dựng Ban Chỉ huy quân sự xã - thị trấn vững mạnh toàn diện giai đoạn 2011 - 2015.	90
19-6-2012	Chỉ thị số 05/2012/CT-UBND về tăng cường lãnh đạo công tác đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, đấu tranh có hiệu quả với các loại tội phạm, tệ nạn xã hội, phòng ngừa và kéo giảm kéo giảm tai nạn giao thông trên địa bàn huyện.	92
21-6-2012	Chỉ thị số 06/2012/CT-UBND về thực hiện Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ Quốc tế ở Campuchia, giúp bạn Lào đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc sau ngày 30/04/1975.	97

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 06/2012/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 7 năm 2012

NGHỊ QUYẾT

**Về một số mức chi cụ thể cho hoạt động phổ biến,
giáo dục pháp luật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ NĂM
(Từ ngày 11 đến ngày 13 tháng 7 năm 2012)**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 37/2008/QĐ-TTg ngày 12 tháng 3 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình phổ biến, giáo dục pháp luật từ năm 2008 đến năm 2012;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 73/2010/TTLT-BTC-BTP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp hướng dẫn việc lập, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật;

Sau khi xem xét Tờ trình số 3207/TTr-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về dự thảo Quyết định ban hành quy định một số mức chi cụ thể cho hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; Báo cáo thẩm tra số 292/BCTT-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2012 của Ban Kinh tế và Ngân sách và ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua nội dung Tờ trình số 3207/TTr-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về dự thảo Quyết định ban hành quy định một số mức chi cụ thể cho hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh với các nội dung sau:

1. Đối tượng áp dụng: đối với cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong lĩnh vực phổ biến, giáo dục pháp luật.

2. Phạm vi điều chỉnh: Quy định này hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí do ngân sách Nhà nước chi bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Các nội dung và mức chi cụ thể: Hội đồng nhân dân Thành phố thống nhất với các nội dung và mức chi theo Tờ trình số 3207/TTr-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố với nguyên tắc như sau: Đối với những nội dung chi đã được quy định cụ thể, hợp lý trong các văn bản quy phạm pháp luật đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành thì áp dụng theo đúng quy định; Đối với những nội dung chi mà Thông tư liên tịch số 73/2010/TTLT-BTC-BTP chưa quy định hoặc đã quy định nhưng mức chi không hợp lý thì được điều chỉnh theo Tờ trình số 3207/TTr-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết ngày có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2012.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố khóa VIII, kỳ họp thứ năm thông qua ngày 12 tháng 7 năm 2012./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Quyết Tâm

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 07/2012/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 7 năm 2012

NGHỊ QUYẾT

Về việc thu phí trông giữ xe trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ NĂM (Từ ngày 11 đến ngày 13 tháng 7 năm 2012)

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2004;

Căn cứ Pháp lệnh số 38/2001/PL-UBTVQH10 ngày 28 tháng 8 năm 2001 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Sau khi xem xét Tờ trình số 3202/TTr-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc thu phí trông giữ xe trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; Báo cáo thẩm tra số 288/BCTT-KTNS ngày 09 tháng 7 năm 2012 của Ban Kinh tế và Ngân sách và ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua nội dung Tờ trình số 3202/TTr-UBND ngày 05 tháng 7 năm

2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc thu phí trông giữ xe trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, với mức thu phí cụ thể như sau:

- Xe đạp, xe đạp điện (kể cả trông giữ mũ bảo hiểm):

Thời gian	Đơn vị tính	Mức thu		
		Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3
Ngày	đồng/xe/lượt			
Đêm	đồng/xe/lượt	1.000	2.000	4.000
Cả ngày và đêm	đồng/xe/lượt	1.500	3.000	6.000
Tháng	đồng/xe/tháng	25.000	30.000	100.000

- Xe máy (xe số và xe tay ga), xe điện (kể cả trông giữ mũ bảo hiểm):

Thời gian	Đơn vị tính	Mức thu		
		Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3
Xe số dưới 175cm³, xe điện:				
Ngày	Đồng/xe/lượt	2.000	3.000	4.000
Đêm	Đồng/xe/lượt	3.000	4.000	5.000
Cả ngày và đêm	Đồng/xe/lượt	5.000	7.000	9.000
Tháng	Đồng/xe/tháng	100.000	100.000	200.000
Xe tay ga, xe số từ 175cm³ trở lên:				
Ngày	Đồng/xe/lượt	3.000	4.000	5.000
Đêm	Đồng/xe/lượt	4.000	5.000	6.000
Cả ngày và đêm	Đồng/xe/lượt	7.000	9.000	11.000
Tháng	Đồng/xe/tháng	150.000	200.000	250.000

- Ô tô:

Thời gian	Đơn vị tính	Mức thu điều chỉnh	
		Khu vực quận 1, 3, 5	Các quận huyện còn lại
Từ 10 chỗ trở xuống:			
Ngày	đồng/xe/lượt	20.000	15.000
Đêm	đồng/xe/lượt	40.000	30.000
Cả ngày và đêm	đồng/xe/lượt	60.000	45.000
Tháng	đồng/xe/tháng	1.000.000	750.000

Thời gian	Đơn vị tính	Mức thu điều chỉnh	
		Khu vực quận 1, 3, 5	Các quận huyện còn lại
Trên 10 chỗ:			
Ngày	đồng/xe/lượt	25.000	20.000
Đêm	đồng/xe/lượt	50.000	40.000
Cả ngày và đêm	đồng/xe/lượt	75.000	60.000
Tháng	đồng/xe/tháng	1.250.000	1.000.000

- Thời gian thực hiện từ 01 tháng 8 năm 2012

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố khóa VIII, kỳ họp thứ năm thông qua ngày 12 tháng 7 năm 2012./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Quyết Tâm

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 08/2012/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 7 năm 2012

NGHỊ QUYẾT

**Về ban hành mức thu vận động đóng góp quản lý và sử dụng
quỹ quốc phòng - an ninh trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ 5 (Từ ngày 11 đến ngày 13 tháng 7 năm 2012)

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân năm 2004;

Căn cứ Luật Dân quân tự vệ ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 58/2010/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Dân quân tự vệ;

Sau khi xem xét Tờ trình số 3203/TTr-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về mức thu vận động đóng góp, quản lý và sử dụng quỹ quốc phòng - an ninh trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; Báo cáo thẩm tra số 284/BC-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2012 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân Thành phố; Ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Chấp thuận thông qua nội dung Tờ trình của Ủy ban nhân dân Thành phố về mức thu vận động đóng góp quỹ quốc phòng - an ninh trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

1. Mức thu vận động đóng góp đối với hộ dân:

a) Quận: tối đa 10.000 đồng/hộ/tháng.

b) Huyện: tối đa 7.000 đồng/hộ/tháng.

c) Các đối tượng miễn giảm:

- Hộ Bà mẹ Việt Nam anh hùng, gia đình liệt sỹ, thương binh.

- Hộ xóa đói giảm nghèo, già neo đơn.

- Gia đình có người thân (bố, mẹ, vợ, chồng, con) trong sổ đăng ký thường trú hoặc sổ đăng ký tạm trú tham gia nghĩa vụ theo chế độ phục vụ tại ngũ của lực lượng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và lực lượng dân quân thường trực, lực lượng Công an viên, lực lượng Bảo vệ dân phố.

2. Đối với các cơ quan, tổ chức hoạt động trên địa bàn: giao Ủy ban nhân dân quận, huyện căn cứ vào quy mô của cơ quan, tổ chức để thực hiện vận động tự nguyện đóng góp, mức thu vận động đóng góp từ 15.000 đồng/tổ chức/tháng trở lên (đối với hộ kinh doanh cá thể); từ 50.000 đồng/tổ chức/tháng trở lên (đối với các cơ quan, tổ chức khác).

3. Thời gian thực hiện từ 01 tháng 01 năm 2013.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức triển khai nghị quyết, khi tổ chức vận động, chú ý công tác quản lý và sử dụng quỹ quốc phòng - an ninh đảm bảo thực hiện đúng quy định pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa VIII, kỳ họp thứ năm thông qua ngày 12 tháng 7 năm 2012./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Quyết Tâm

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 09/2012/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 7 năm 2012

NGHỊ QUYẾT

**Về một số chính sách hỗ trợ hộ nghèo và hộ cận nghèo
trên địa bàn thành phố giai đoạn 2012 - 2015**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ NĂM
(Từ ngày 11 đến ngày 13 tháng 7 năm 2012)**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân năm 2004;

Sau khi xem xét Tờ trình số 3053/TTr-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về một số chính sách hỗ trợ hộ nghèo và hộ cận nghèo trên địa bàn thành phố giai đoạn 2012 - 2015; Báo cáo thẩm tra số 280/BC-VHXH ngày 09 tháng 7 năm 2012 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân Thành phố; ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua nội dung Tờ trình số 3053/TTr-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về một số chính sách hỗ trợ hộ nghèo và hộ cận nghèo trên địa bàn thành phố giai đoạn 2012 - 2015.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa VIII, kỳ họp thứ năm thông qua ngày 12 tháng 7 năm 2012./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Quyết Tâm

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 10/2012/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 7 năm 2012

NGHỊ QUYẾT

**Về ban hành mức thu và sử dụng lệ phí
cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ NĂM (Từ ngày 11 đến ngày 13 tháng 7 năm 2012)

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2004;

Căn cứ Pháp lệnh số 38/2001/PL-UBTVQH10 ngày 28 tháng 8 năm 2001 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 91/2009/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng ô tô;

Căn cứ Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về Phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 66/2011/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh vận tải ô tô;

Sau khi xem xét Tờ trình số 3204/TTr-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành mức thu và sử dụng lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô; Báo cáo thẩm tra số 289/BCTT-KTNS ngày 09 tháng 7 năm 2012 của Ban Kinh tế và Ngân sách; ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua nội dung Tờ trình số 3204/TTr-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành mức thu và sử dụng lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, với mức thu phí cụ thể như sau:

Mức thu lệ phí cấp giấy phép lần đầu: 200.000 đồng/giấy phép.

Mức thu lệ phí trong trường hợp cấp đổi, cấp lại: 50.000 đồng/giấy phép.

Thời gian có hiệu lực áp dụng: **Kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2012.**

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố khóa VIII, kỳ họp thứ năm thông qua ngày 12 tháng 7 năm 2012./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Quyết Tâm

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 11/2012/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 7 năm 2012

NGHỊ QUYẾT

**Về ban hành mức thu phí tham gia đấu giá quyền sử dụng đất,
mức thu phí đấu giá tài sản và tỷ lệ phần trăm trích lại trên số tiền
thu phí đấu giá tài sản, phí tham gia đấu giá tài sản
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ NĂM (Từ ngày 11 đến ngày 13 tháng 7 năm 2012)

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư số 03/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 01 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đấu giá, phí tham gia đấu giá và lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư số 48/2012/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc xác định giá khởi điểm và chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất;

Sau khi xem xét Tờ trình số 3205/TTr-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành mức thu phí tham gia đấu giá quyền sử dụng đất, mức thu phí đấu giá tài sản và tỷ lệ phần trăm trích lại trên số tiền thu phí đấu giá tài sản, phí tham gia đấu giá tài sản trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; Báo cáo thẩm tra số 290/BCTT-KTNS ngày 09 tháng 7 năm 2012 của Ban Kinh tế và Ngân sách; ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua nội dung Tờ trình số 3205/TTr-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành mức thu phí tham gia đấu giá quyền sử dụng đất, mức thu phí đấu giá tài sản và tỷ lệ phần trăm trích lại trên số tiền thu phí đấu giá tài sản, phí tham gia đấu giá tài sản trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, với mức thu phí cụ thể như sau:

1. Áp dụng mức thu phí tham gia đấu giá quyền sử dụng đất bằng với mức thu phí tham gia đấu giá quyền sử dụng đất quy định tại Thông tư số 48/2012/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc xác định giá khởi điểm và chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất.

2. Áp dụng mức thu phí đấu giá tài sản và phí tham gia đấu giá tài sản bằng với mức thu phí đấu giá tài sản và phí tham gia đấu giá tài sản quy định tại Thông tư số 03/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 01 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đấu giá, phí tham gia đấu giá và lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề đấu giá tài sản.

3. Việc quản lý và sử dụng phí, lệ phí được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 03/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 01 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đấu giá, phí tham gia đấu giá và lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề đấu giá tài sản.

Đối với Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản, được trích lại 100% trên số tiền phí đấu giá tài sản, phí tham gia đấu giá tài sản thu được để trang trải việc tổ chức bán đấu giá tài sản và thu phí.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành quy định về mức thu phí tham gia đấu giá quyền sử dụng đất, mức phí đấu giá tài sản và tỷ lệ phần trăm trích lại trên số tiền thu phí đấu giá tài sản, phí tham gia đấu giá tài sản để áp dụng thống nhất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố khóa VIII, kỳ họp thứ năm thông qua ngày 12 tháng 7 năm 2012./.

CHỦ TỊCH**Nguyễn Thị Quyết Tâm**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 12/2012/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 7 năm 2012

NGHỊ QUYẾT

**Về sửa đổi Khoản 2, Điều 1 Nghị quyết số 04/2009/NQ-HĐND
ngày 09 tháng 7 năm 2009 của Hội đồng nhân dân Thành phố về mức thu,
chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp bản sao từ sổ gốc,
lệ phí chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ NĂM (Từ ngày 11 đến ngày 13 tháng 7 năm 2012)

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2004;

Căn cứ Pháp lệnh số 38/2001/PL-UBTVQH10 ngày 28 tháng 8 năm 2001 về Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 79/2007/NĐ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký;

Căn cứ Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về Phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 92/2008/TTLT-BTC-BTP ngày 17 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp hướng dẫn về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp bản sao, lệ phí chứng thực;

Sau khi xem xét Tờ trình số 3206/TTr-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về sửa đổi quy định về chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp bản sao từ sổ gốc, lệ phí chứng thực bản sao từ bản chính và chứng thực chữ ký trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; Báo cáo thẩm tra số 291/BCTT-KTNS ngày 09 tháng 7 năm 2012 của Ban Kinh tế và Ngân sách; ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nay sửa đổi Khoản 2, Điều 1 Nghị quyết số 04/2009/NQ-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2006 của Hội đồng nhân dân Thành phố về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp bản sao từ sổ gốc, lệ phí chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

Phòng Tư pháp quận, huyện và Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn nộp đầy đủ, kịp thời số lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn có trách nhiệm sử dụng lệ phí thu được để đảm bảo trang trải chi phí cho việc chứng thực và việc thu lệ phí theo quy định.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa VIII, kỳ họp thứ năm thông qua ngày 12 tháng 7 năm 2012./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Quyết Tâm

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 13/2012/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 7 năm 2012

NGHỊ QUYẾT

Về việc đặt tên đường mang tên **Đồng chí Phạm Văn Đồng,**
Đồng chí Mai Chí Thọ, Đồng chí Trần Văn Giàu

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ NĂM
(Từ ngày 11 đến ngày 13 tháng 7 năm 2012)

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố, công trình công cộng;

Căn cứ Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Văn hóa - Thông tin hướng dẫn thực hiện một số điều của Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố, công trình công cộng;

Sau khi xem xét Tờ trình số 3032/TTr-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc đặt tên đường mang tên Đồng chí Phạm Văn Đồng, Đồng chí Mai Chí Thọ, Đồng chí Trần Văn Giàu; Báo cáo thẩm tra số 279/BC-VHXH ngày 09 tháng 7 năm 2012 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân Thành phố; ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua nội dung Tờ trình số 3032/TTr-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc đặt tên đường mang tên Đồng chí Phạm Văn Đồng, Đồng chí Mai Chí Thọ, Đồng chí Trần Văn Giàu, cụ thể:

1. Đặt tên đường mang tên Đồng chí Phạm Văn Đồng cho tuyến đường Tân Sơn Nhất - Bình Lợi - Vành đai ngoài.

Điểm đầu tuyến: Từ Ngã năm Nguyễn Thái Sơn (quận Gò Vấp) đến điểm cuối tuyến nút giao thông Linh Xuân (quận Thủ Đức). Chiều dài: 12.211m.

2. Đặt tên đường mang tên Đồng chí Mai Chí Thọ cho tuyến đường mới phần phía đông dự án Đại lộ Đông Tây thuộc địa bàn quận 2, đã hoàn thành và đưa vào sử dụng ngày 20 tháng 11 năm 2011.

Điểm đầu tuyến: Từ Đường hầm sông Sài Gòn phía quận 2 đến điểm cuối tuyến Nút giao Cát Lái - Xa lộ Hà Nội. Chiều dài: 6.385m;

3. Đặt tên đường mang tên Đồng chí Trần Văn Giàu cho tuyến đường thuộc dự án Mở rộng Tỉnh lộ 10 và dự án Tỉnh lộ 10B thuộc địa bàn huyện Bình Chánh và quận Bình Tân.

Điểm đầu tuyến: Từ điểm giao với đường Tân Lửa đến điểm cuối tuyến giáp ranh tỉnh Long An. Tổng chiều dài: 14.029m;

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa VIII, kỳ họp thứ năm thông qua ngày 12 tháng 7 năm 2012./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Quyết Tâm

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 14/2012/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 7 năm 2012

NGHỊ QUYẾT

**Về chất vấn và trả lời chất vấn tại Kỳ họp thứ năm
Hội đồng nhân dân Thành phố khóa VIII**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ NĂM
(Từ ngày 11 đến ngày 13 tháng 7 năm 2012)**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân năm 2004;

Trên cơ sở kết quả chất vấn và trả lời chất vấn tại kỳ họp thứ năm, Hội đồng nhân dân Thành phố khóa VIII,

QUYẾT NGHỊ:

I. Hội đồng nhân dân Thành phố nhận thấy nội dung chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân phù hợp với ý kiến của Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và những vấn đề mà cử tri thành phố quan tâm đến việc thực hiện 6 chương trình đột phá theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ IX. Không khí chất vấn là thẳng thắn, trách nhiệm, đối thoại với tinh thần xây dựng cao, các đại biểu Hội đồng nhân dân đặt câu hỏi ngắn gọn, rõ ràng, tập trung vào những vấn đề bức xúc được cử tri thành phố quan tâm.

Việc trả lời chất vấn đi thẳng vào câu hỏi đại biểu đặt ra, nhìn chung cơ bản đáp ứng yêu cầu của đại biểu.

II. Hội đồng nhân dân Thành phố ghi nhận những nội dung và giải pháp mà Ủy

ban nhân dân Thành phố, Sở Công thương, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh), Sở Y tế, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã trình bày và cam kết trước Hội đồng nhân dân thực hiện trong thời gian tới với các nội dung trọng tâm như sau:

1. Hỗ trợ doanh nghiệp phát triển sản xuất - kinh doanh:

- Triển khai kịp thời, đồng bộ và có hiệu quả các cơ chế chính sách của Chính phủ, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước đã ban hành trong đó tập trung cải cách thủ tục hành chính nhằm công khai, minh bạch các thủ tục về pháp lý, hỗ trợ cho doanh nghiệp được tiếp cận các nguồn vốn vay một cách nhanh nhất. Tổ chức thực hiện chính sách miễn, giảm, giãn thuế theo Nghị quyết số 13/NQ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ.

- Phát huy hiệu quả cơ chế liên kết giữa Ủy ban nhân dân Thành phố, doanh nghiệp, ngân hàng, hiệp hội doanh nghiệp, vị trí chủ động của các Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện để từng bước chủ động tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp về vốn, thị trường, thủ tục hành chính, chính sách kích cầu; hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới thiết bị công nghệ, chú ý công nghiệp chế biến, công nghiệp phụ trợ, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động

- Cần có những giải pháp khả thi nhằm đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến và đầu tư, thương mại, du lịch, dịch vụ, cung cấp các thông tin về thị trường tiềm năng để hỗ trợ doanh nghiệp có thể chủ động tiếp cận, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, thị trường xuất khẩu. Tiếp tục thực hiện chương trình bình ổn thị trường năm 2012, phát triển mạng lưới phân phối, bán lẻ, quan tâm các khu vực đông người lao động có thu nhập thấp, công nhân, nông dân, sinh viên, đảm bảo cung ứng hàng hóa thiết yếu với giá cả hợp lý. Đẩy mạnh tuyên truyền cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”, tăng cường công tác quản lý thị trường, kiểm tra, kiểm soát hàng lậu, hàng gian, hàng giả.

2. Công tác xử lý nước thải y tế:

- Đẩy nhanh tiến độ, thực hiện có hiệu quả và hoàn thành việc xử lý nước thải y tế trên địa bàn thành phố theo nghị quyết của Hội đồng nhân dân.

- Phối hợp các ngành chức năng đào tạo nguồn nhân lực vận hành các hệ thống xử lý nước thải y tế ở các bệnh viện lớn, các cơ sở y tế ngoài công lập. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, xử lý các cơ sở y tế gây ô nhiễm trong đó tập trung các phòng khám đa khoa, chuyên khoa tư nhân trên địa bàn thành phố chưa có hệ thống xử lý nước thải y tế, chưa đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xử lý nước thải y tế.

3. Chương trình hỗ trợ chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế thành phố:

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả chương trình hỗ trợ chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh của kinh tế thành phố giai đoạn 2011 - 2015. Phát triển nâng cao tỷ trọng và chất lượng các ngành dịch vụ chủ yếu (Thương mại quốc tế, tài chính, tín dụng và ngân hàng, dịch vụ cảng - kho bãi - hậu cần hàng hải và xuất nhập khẩu, du lịch, thị trường bất động sản, thị trường công nghệ). Phát triển mạnh 4 ngành công nghiệp trọng yếu có hàm lượng khoa học - công nghệ cao và giá trị gia tăng lớn (cơ khí chế tạo, điện tử - công nghệ thông tin, hóa chất, chế biến tinh lương thực - thực phẩm). Xác định mô hình để phát triển công nghiệp phụ trợ, chú ý đổi mới trang thiết bị công nghệ mới, nguồn nhân lực các ngành nhằm góp phần nâng cao năng suất lao động và tái cấu trúc doanh nghiệp. Phát huy hiệu quả hoạt động Công viên phần mềm Quang Trung. Có chính sách hỗ trợ hiệu quả hơn, nhất là xác định những sản phẩm cho Khu Công nghệ cao, Khu Nông nghiệp công nghệ cao.

- Đẩy mạnh chương trình đào tạo nguồn nhân lực, xây dựng chính sách thu hút và sử dụng nhân tài tập trung cho 4 ngành công nghiệp trọng yếu và 9 nhóm ngành dịch vụ chủ yếu.

- Tiếp tục triển khai các chính sách hỗ trợ nông nghiệp, nông dân, nông thôn quy hoạch và quản lý sử dụng đất nông nghiệp hiệu quả, đẩy mạnh tổ chức liên kết các tỉnh, thành phố xây dựng các vùng nguyên liệu cung cấp cho ngành công nghiệp chế biến của thành phố. Quy hoạch và sử dụng đất nông nghiệp hiệu quả.

III. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố có kế hoạch tổ chức chỉ đạo các sở, ngành liên quan triển khai có hiệu quả các nội dung, giải pháp đã cam kết và báo cáo kết quả tại kỳ họp cuối năm 2012.

IV. Hội đồng nhân dân Thành phố giao Thường trực, các Ban, các Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát những giải pháp mà Ủy ban nhân dân và các sở, ngành Thành phố trình bày tại phiên chất vấn của kỳ họp.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa VIII, kỳ họp thứ năm thông qua ngày 13 tháng 7 năm 2012./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Quyết Tâm

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 15/2012/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 7 năm 2012

NGHỊ QUYẾT

Về nhiệm vụ kinh tế - xã hội 6 tháng cuối năm 2012

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ NĂM (Từ ngày 11 đến ngày 13 tháng 7 năm 2012)

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Trên cơ sở xem xét các báo cáo, Tờ trình của Thường trực và các Ban Hội đồng nhân dân Thành phố; các báo cáo của Ủy ban nhân dân Thành phố và các cơ quan hữu quan; thông báo của Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Tán thành báo cáo 6 tháng đầu năm 2012 của Thường trực và các Ban Hội đồng nhân dân Thành phố;

Tán thành báo cáo 6 tháng đầu năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố và các cơ quan hữu quan về tình hình kinh tế - xã hội thành phố 6 tháng đầu năm, các nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp chủ yếu 6 tháng cuối năm 2012.

Hội đồng nhân dân Thành phố nhấn mạnh một số nhiệm vụ sau:

I. Đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết Hội đồng nhân dân Thành phố 6 tháng đầu năm 2012:

Trong bối cảnh tình hình kinh tế thế giới và cả nước có những biến động phức tạp, khó khăn; song với sự nỗ lực của cả hệ thống chính trị, đặc biệt là sự chia sẻ, năng động, sáng tạo của đội ngũ doanh nhân, các tầng lớp nhân dân thành phố cùng với sự giám sát tích cực của Hội đồng nhân dân Thành phố và sự điều hành quyết liệt

của Ủy ban nhân dân các cấp; Thành phố chúng ta đã vượt qua nhiều khó khăn, thách thức và đạt được kết quả khả quan trên một số lĩnh vực trọng yếu mà Hội đồng nhân dân Thành phố đã quyết nghị tại kỳ họp thứ 3 vừa qua (Nghị quyết số 33/2011/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2011), kinh tế đã có dấu hiệu phục hồi, nhiều chính sách an sinh xã hội tiếp tục được phát huy.

Tình hình kinh tế - xã hội thành phố 6 tháng đầu năm 2012 đạt được một số kết quả chủ yếu sau:

Tốc độ tăng trưởng kinh tế thành phố phục hồi và đang diễn biến tích cực hơn. GDP thành phố 6 tháng đầu năm đạt 8,1% (quý I tăng 7,4% và quý II **tăng 8,8%**); trong đó, dịch vụ tăng 8,7%, công nghiệp - xây dựng tăng 7,1%, nông nghiệp tăng 4,9%; chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 6 giảm 0,43%, so với tháng 12 năm 2011 tăng 2,05%, thấp hơn mức tăng của cả nước; tiếp tục bổ sung, thực hiện cơ chế, chính sách kích cầu, hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới thiết bị, công nghệ; các chương trình bình ổn thị trường được thực hiện có hiệu quả; cải cách hành chính có tiến bộ; thực hiện nhiều giải pháp hiệu quả kéo giảm ùn tắc giao thông và tai nạn giao thông; giảm ô nhiễm môi trường, giảm ngập nước; quản lý và phát triển đô thị, xây dựng nông thôn mới, khoa học - công nghệ, giáo dục - đào tạo, dạy nghề, văn hóa, y tế,... có tiến bộ; công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, giải quyết tranh chấp lao động tập thể được chú trọng; giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm trật tự an toàn xã hội; các chính sách xã hội, trợ cấp diện chính sách, hộ nghèo và người thuộc diện bảo trợ xã hội được tập trung thực hiện; các cuộc vận động tương trợ và tiết kiệm được đông đảo nhân dân tích cực hưởng ứng.

Tuy nhiên còn một số chỉ tiêu đạt thấp so với Nghị quyết về nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2012 của Hội đồng nhân dân Thành phố đã đề ra, xuất khẩu tăng trưởng chậm, thị trường bất động sản chưa có dấu hiệu hồi phục. Tình hình doanh nghiệp ngừng hoạt động, giải thể tăng cao so với cùng kỳ dẫn đến tình trạng thiếu việc làm, mất việc làm của một bộ phận người lao động. Đời sống của nhân dân còn gặp nhiều khó khăn, nhất là người lao động có thu nhập thấp.

II. Nhiệm vụ kinh tế - xã hội 6 tháng cuối năm 2012:

Hội đồng nhân dân Thành phố thống nhất với những nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu đã được Ủy ban nhân dân Thành phố trình và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp. Trong quá trình điều hành thực hiện nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2012, lưu ý Ủy ban nhân dân Thành phố tập trung chỉ đạo, điều hành các nội dung trọng tâm sau:

1. Tiếp tục thực hiện các giải pháp góp phần kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội, bảo đảm tốc độ tăng trưởng năm 2012 đạt 10%; phấn đấu hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2012 đã được thông qua tại kỳ họp thứ ba Hội đồng nhân dân Thành phố khóa VIII và tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành đảm bảo thực hiện thành công Kế hoạch thực hiện "Năm an toàn giao thông 2012" trên địa bàn thành phố theo Nghị quyết kỳ họp thứ tư của Hội đồng nhân dân Thành phố. Triển khai Chỉ thị số 19/CT-TTg ngày 18 tháng 6 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách thành phố năm 2013 và kế hoạch đầu tư từ nguồn vốn ngân sách 3 năm (2013 - 2015) phù hợp với tình hình thực tiễn của thành phố. Chuẩn bị chu đáo kế hoạch chăm lo Tết Nguyên đán năm 2013. Tiếp tục nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của kinh tế nông nghiệp, kinh tế tập thể, phát huy vai trò nòng cốt trong định hướng phát triển sản xuất - kinh doanh của thành phố.

2. Đẩy mạnh tiến độ triển khai thực hiện 6 chương trình đột phá theo kế hoạch, mục tiêu, chỉ tiêu đã được xác định trong giai đoạn 2011 - 2015 gắn với thực hiện xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ trên địa bàn thành phố; tập trung triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình đã xác định thực hiện trong năm 2012 để tạo bước chuyển biến tích cực trong việc thực hiện từng chương trình đột phá ngay trong 6 tháng cuối năm 2012, trong đó chú ý chương trình hỗ trợ chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, tăng sức cạnh tranh của kinh tế thành phố giai đoạn 2012 - 2015.

3. Tập trung tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ các doanh nghiệp phát triển sản xuất kinh doanh. Triển khai thực hiện có hiệu quả các quy định, hướng dẫn về chính sách miễn, giảm, giãn thuế theo Nghị quyết số 13/NQ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ; tổ chức thực hiện Chỉ thị số 03/CT-TTg ngày 17 tháng 01 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước, trong đó chú trọng tăng cường công tác quản lý tài chính của các doanh nghiệp; chủ động phối hợp chặt chẽ với Ngân hàng Nhà nước tập trung tháo gỡ khó khăn về lãi suất, nguồn vốn vay của doanh nghiệp, hỗ trợ kịp thời, ưu tiên các lĩnh vực sản xuất hàng xuất khẩu, công nghiệp chế biến, công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động có quá trình hoạt động hiệu quả và đang gặp khó khăn, chương trình xây dựng nhà ở xã hội. Tiếp tục triển khai các chính sách hỗ trợ nông nghiệp, nông dân, nông thôn; tập trung thực hiện hoàn thành các tiêu chí nông thôn mới tại ít nhất 6 xã trong năm 2012.

Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch, dịch vụ, cung cấp

thông tin về các thị trường tiềm năng để doanh nghiệp có thể chủ động tiếp cận, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, thị trường xuất khẩu; đẩy mạnh quảng bá du lịch, thu hút du khách. Đẩy mạnh thực hiện các chương trình bình ổn thị trường năm 2012, phát triển mạng lưới phân phối, bán lẻ, quan tâm các khu vực đông người lao động nghèo, công nhân, sinh viên, bảo đảm cung ứng hàng hóa thiết yếu với giá cả hợp lý. Đẩy mạnh thực hiện cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”. Tăng cường công tác quản lý thị trường, kiểm soát giá cả, bảo đảm an toàn thực phẩm, xử lý nghiêm minh, kịp thời các hành vi vi phạm về giá, gian lận thương mại, đầu cơ, buôn lậu, sản xuất hàng giả, hàng kém chất lượng. Bảo đảm cung ứng và ổn định nguồn điện cho sản xuất - kinh doanh; tăng cường các hoạt động tuyên truyền, đẩy mạnh các biện pháp tiết kiệm điện trong sinh hoạt và sản xuất - kinh doanh.

4. Triển khai các biện pháp khai thác, quản lý và bồi dưỡng nguồn thu, chống thất thu ngân sách nhà nước, phấn đấu đạt chỉ tiêu thu ngân sách trong năm 2012; thu hồi các khoản nợ tạm ứng ngân sách; điều hành chi ngân sách tiết kiệm, hiệu quả; tập trung công tác thanh tra, giám sát, kiểm soát chặt chẽ các khoản chi tiêu ngân sách và mua sắm, quản lý tài sản công của các cơ quan, đơn vị, kiên quyết xử lý nghiêm các trường hợp sai phạm.

Tăng cường quản lý đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước và trái phiếu Chính phủ; đẩy nhanh tiến độ thi công các dự án trọng điểm, các công trình phòng, tránh lụt bão; ưu tiên các dự án kết cấu hạ tầng giao thông; đẩy mạnh công tác giải phóng mặt bằng cho các công trình, dự án. Tăng cường kiểm tra, đôn đốc thực hiện các dự án sử dụng nguồn vốn ODA nhằm đảm bảo tiến độ thi công và giải ngân nhanh. Tiếp tục ưu tiên nguồn vốn ngân sách đầu tư cho các công trình, dự án trọng điểm của thành phố; thường xuyên rà soát tiến độ của các dự án để điều chuyển tập trung vốn cho các công trình hoàn thành đưa vào sử dụng trong năm 2012. Đề xuất chính sách và có giải pháp cụ thể chính sách thu hút mạnh mẽ các nguồn vốn trái phiếu đô thị, vốn tín dụng, vốn xã hội hóa, đặc biệt vốn đầu tư nước ngoài vào các dự án trọng điểm, cấp bách của thành phố. Thực hiện có hiệu quả các giải pháp đảm bảo trật tự an toàn giao thông, tiếp tục đẩy mạnh giảm tai nạn giao thông trên 3 mặt, bảo vệ tính mạng, tài sản nhân dân và giảm ùn tắc giao thông.

5. Tiếp tục thực hiện một số giải pháp bảo đảm an sinh xã hội và một số chính sách hỗ trợ hộ nghèo và hộ cận nghèo giai đoạn 2012 - 2015 trên địa bàn thành phố. Hạn chế đến mức thấp nhất tình trạng tạm cư kéo dài, hướng đến thực hiện tái định cư ổn định và bền vững. Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra và giám sát vệ sinh an toàn thực phẩm, triển khai thực hiện Đề án đảm bảo an toàn thực phẩm giai đoạn

2011 - 2015; chủ động phòng ngừa, ngăn chặn và chữa trị có hiệu quả các loại dịch bệnh phát sinh trên địa bàn. Triển khai chuẩn bị tốt kế hoạch khai giảng năm học mới 2012 - 2013.

6. Tiếp tục thực hiện tốt công tác cải cách hành chính, nhất là các thủ tục hành chính trong lĩnh vực cấp phép kinh doanh, vay vốn, xuất nhập khẩu ... Tăng cường phòng, chống tham nhũng, lãng phí, thực hành tiết kiệm; thực hiện kiểm tra, thanh tra công vụ, kiểm soát các đầu mối công việc trong nội bộ cơ quan chuyên môn thành phố, Ủy ban nhân dân các cấp. Tăng cường tiếp công dân, đối thoại, tập trung giải quyết các kiến nghị, bức xúc của người dân, các khiếu kiện của công dân kịp thời và đúng pháp luật. Tăng cường thực hiện các hoạt động giám sát trong điều kiện thành phố thực hiện thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện - quận, phường.

7. Phát động mạnh mẽ phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Tập trung triển khai các biện pháp nắm tình hình, phát hiện và kịp thời đấu tranh ngăn chặn mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, đẩy mạnh tấn công trấn áp các loại tội phạm hình sự, tội phạm lợi dụng công nghệ cao, băng nhóm tội phạm tại địa bàn.

III. Tổ chức thực hiện:

Hội đồng nhân dân Thành phố giao Ủy ban nhân dân Thành phố có kế hoạch triển khai, tập trung chỉ đạo các cấp, các ngành phối hợp chặt chẽ bảo đảm thực hiện thắng lợi Nghị quyết này.

Giao Thường trực, các Ban, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố phối hợp hoạt động, tăng cường giám sát, kịp thời đôn đốc việc thực hiện Nghị quyết.

Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố, các tổ chức thành viên và các cơ quan báo chí thành phố tuyên truyền, phổ biến động viên các thành phần kinh tế, các tầng lớp nhân dân tích cực thực hiện Nghị quyết; kịp thời phát hiện những mô hình tốt để nhân rộng đồng thời phản ánh những vấn đề cần điều chỉnh bổ sung với các cơ quan có thẩm quyền.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố khóa VIII kỳ họp thứ năm thông qua ngày 13 tháng 7 năm 2012./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Quyết Tâm

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 30/2012/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 7 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH**Về ban hành Quy định về tuyển dụng công chức
và xếp lương khi bổ nhiệm ngạch****ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Thông tư số 13/2010/TT-BNV ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết một số điều về tuyển dụng và nâng ngạch công chức của Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 460/TTr-SNV ngày 02 tháng 7 năm 2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định về tuyển dụng công chức và xếp lương khi bổ nhiệm ngạch”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Bãi bỏ các Quyết định trước đây trái với Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Về tuyển dụng công chức và xếp lương khi bổ nhiệm ngạch
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 30/2012/QĐ-UBND
ngày 25 tháng 7 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng cho việc tuyển dụng công chức vào làm việc tại các cơ quan thuộc thành phố, bao gồm:

1. Các sở, ban, ngành.
2. Ủy ban nhân dân quận, huyện và phường, xã, thị trấn.

Điều 2. Nguyên tắc và căn cứ tuyển dụng

Việc tuyển dụng công chức phải căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ, vị trí việc làm và chỉ tiêu biên chế.

Việc tổ chức tuyển dụng phải đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan và đúng pháp luật; đảm bảo tính cạnh tranh.

Những người được tuyển chọn phải đảm bảo đúng tiêu chuẩn nghiệp vụ và yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển.

Chương II

PHƯƠNG THỨC TUYỂN DỤNG, CƠ QUAN TUYỂN DỤNG, ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN, HỒ SƠ VÀ CHẾ ĐỘ ƯU TIÊN TRONG TUYỂN DỤNG

Điều 3. Phương thức tuyển dụng

1. Việc tuyển dụng công chức được thực hiện thông qua thi tuyển, trừ các trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều này.

2. Các trường hợp đặc biệt được xem xét tiếp nhận không qua thi tuyển:

a) Người tốt nghiệp loại giỏi, loại xuất sắc và được cơ quan có thẩm quyền xác nhận tốt nghiệp thủ khoa tại các cơ sở đào tạo trình độ đại học ở trong nước và người tốt nghiệp đại học, sau đại học loại giỏi, loại xuất sắc ở nước ngoài được cơ quan có thẩm quyền xác nhận.

b) Người có trình độ đào tạo từ đại học trở lên; hiện đang công tác trong ngành, lĩnh vực cần tuyển; có thời gian tốt nghiệp đại học và làm công việc phù hợp với yêu cầu của vị trí làm việc cần tuyển từ đủ 60 tháng trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc), đáp ứng được ngay yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển; trong thời gian 05 năm gần nhất không vi phạm pháp luật đến mức bị kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

c) Những trường hợp có trình độ đào tạo từ đại học trở lên, có thời gian công tác liên tục (không kể thời gian tập sự, thử việc) từ đủ 60 tháng trở lên và trong thời gian 05 năm gần nhất không vi phạm pháp luật đến mức bị kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự gồm: Những người là cán bộ, công chức từ cấp huyện trở lên thuộc ngành, lĩnh vực cần tuyển, sau đó chuyển sang công tác tại các đơn vị sự nghiệp công lập, lực lượng vũ trang, doanh nghiệp nhà nước; viên chức được tuyển dụng, bổ nhiệm vào ngạch trước ngày 01 tháng 7 năm 2003; những người đang giữ chức danh lãnh đạo, quản lý từ cấp phòng trở lên trong doanh nghiệp nhà nước; những người là sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu.

Những người thuộc diện nêu trên đảm bảo điều kiện và tiêu chuẩn chung dự tuyển công chức tại Điều 5 của Quy định này được xem xét, tiếp nhận không qua thi tuyển.

Điều 4. Cơ quan tuyển dụng

- Ủy ban nhân dân Thành phố thành lập Hội đồng tuyển dụng công chức để tổ chức thực hiện công tác tuyển dụng.

- Sở Nội vụ là cơ quan thường trực của Hội đồng tuyển dụng công chức.

- Ủy ban nhân dân quận, huyện, sở, ban, ngành thành lập Hội đồng sơ tuyển của cơ quan.

Điều 5. Điều kiện và tiêu chuẩn chung dự tuyển công chức

1. Điều kiện dự tuyển

a) Người có đủ các điều kiện sau đây được đăng ký dự tuyển công chức:

- Là công dân Việt Nam, có hộ khẩu thường trú tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Tuổi của người dự tuyển: Từ đủ 18 tuổi trở lên và trong độ tuổi lao động theo quy định;
- Có đơn xin dự tuyển; có lý lịch rõ ràng;
- Có văn bằng, chứng chỉ đào tạo phù hợp với yêu cầu của vị trí cần tuyển;
- Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt;
- Đủ sức khỏe để đảm nhận nhiệm vụ.

b) Những người sau đây không được đăng ký dự tuyển công chức:

- Không cư trú tại Việt Nam;
- Mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
- Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành hoặc đã chấp hành xong bản án, quyết định về hình sự của Tòa án mà chưa được xóa án tích; đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh, cơ sở giáo dục.

2. Tiêu chuẩn dự tuyển

a) Công chức loại C:

* Chuyên viên hoặc tương đương:

- Có trình độ đại học trở lên, có chuyên ngành phù hợp với vị trí cần tuyển;
- Có chứng chỉ tin học văn phòng;
- Có trình độ B ngoại ngữ hoặc tương đương (một trong năm thứ tiếng: Anh, Pháp, Nga, Đức, Hoa);

* Chuyên viên cao đẳng hoặc tương đương:

- Có trình độ cao đẳng chuyên ngành phù hợp với vị trí cần tuyển;
- Có chứng chỉ tin học văn phòng;
- Có trình độ B ngoại ngữ hoặc tương đương (một trong năm thứ tiếng: Anh, Pháp, Nga, Đức, Hoa);

b) Công chức loại D: Ngạch cán sự hoặc tương đương:

- Có trình độ trung cấp phù hợp với vị trí cần tuyển;

- Có chứng chỉ tin học văn phòng;

- Có trình độ A ngoại ngữ hoặc tương đương (một trong năm thứ tiếng: Anh, Pháp, Nga, Đức, Hoa);

c) Đối với người dự tuyển vào vị trí thanh tra xây dựng phải đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định tại Quyết định số 165/2007/QĐ-TTg ngày 27 tháng 10 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ quy định tạm thời tiêu chuẩn thanh tra viên chuyên ngành xây dựng quận, huyện và xã, phường, thị trấn tại Thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh.

d) Đối với người dự tuyển vào các chức danh công chức xã phải đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định tại Quyết định số 04/2004/QĐ-BNV ngày 16 tháng 01 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành quy định tiêu chuẩn cụ thể đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn.

Điều 6. Hồ sơ đăng ký dự tuyển công chức bao gồm

1. Đơn đăng ký dự tuyển (mẫu đơn ban hành kèm theo Thông tư số 13/2010/TT-BNV ngày 30 tháng 12 năm 2012 của Bộ Nội vụ);

2. Sơ yếu lý lịch tự thuật, có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn nơi đăng ký hộ khẩu thường trú trong thời hạn 30 ngày, tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển (đóng dấu giáp lai vào hình dán);

3. Bản sao giấy khai sinh, giấy Chứng minh nhân dân và hộ khẩu thường trú;

4. Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của vị trí dự tuyển;

5. Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ quan y tế có thẩm quyền cấp trong thời hạn 30 ngày tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển;

6. Bản sao giấy chứng nhận thuộc đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng (nếu có) được cơ quan có thẩm quyền chứng thực.

***Lưu ý:** Trường hợp người đăng ký dự tuyển là nhân viên hợp đồng của các cơ quan hành chính, sự nghiệp nếu đăng ký dự thi tuyển công chức phải được Thủ trưởng cơ quan, đơn vị nơi người dự tuyển đang công tác, làm việc có văn bản đồng ý, đề nghị dự tuyển công chức.*

Điều 7. Ưu tiên trong tuyển dụng

Được thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức.

Chương III

QUY TRÌNH TUYỂN DỤNG

Điều 8. Quy trình tuyển dụng không qua thi tuyển

Được thực hiện theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 13/2010/TT-BNV ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết một số điều về tuyển dụng và nâng ngạch công chức của Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức.

Điều 9. Quy trình tuyển dụng qua thi tuyển

1. Đăng ký nhu cầu tuyển dụng

Căn cứ vào số lượng biên chế được giao, Giám đốc các sở - ban ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận huyện xác định chỉ tiêu cần tuyển theo nghiệp vụ chuyên ngành của vị trí việc làm thuộc mỗi phòng, ban, Chi cục trực thuộc, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và đăng ký nhu cầu tuyển dụng công chức gửi về Sở Nội vụ.

2. Thông báo tuyển dụng

Sau khi xác định nhu cầu tuyển dụng của năm, Sở Nội vụ thông báo tuyển dụng công khai trên phương tiện thông tin đại chúng, trên trang thông tin điện tử của Sở Nội vụ và tại trụ sở làm việc, trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân quận - huyện, các sở, ban, ngành có nhu cầu tuyển dụng.

Trong Thông báo sẽ quy định điều kiện, tiêu chuẩn, số lượng tuyển dụng đối với từng nhóm ngạch; thành phần hồ sơ; thời gian và địa điểm nộp hồ sơ.

3. Sơ tuyển

Các cơ quan (sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận - huyện) có nhu cầu tuyển dụng:

a) Tiếp nhận hồ sơ của người dự tuyển trong thời hạn ít nhất là 30 ngày, kể từ ngày thông báo tuyển dụng. Người đăng ký dự tuyển gồm 02 loại đối tượng:

- Hợp đồng tạm tuyển: Người được tạm tuyển vào làm việc trong khoảng thời gian giữa 02 kỳ thi tuyển công chức liên tiếp, ký kết hợp đồng tạm tuyển với cơ quan. Thời hạn của hợp đồng tối đa bằng thời gian giữa 02 kỳ thi.

- Thí sinh tự do: Người có đủ điều kiện, tiêu chuẩn đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển, có nguyện vọng nộp đơn dự tuyển tại thời điểm tổ chức tuyển dụng.

b) Thành lập Hội đồng sơ tuyển của cơ quan, gồm: 05 thành viên: Chủ tịch Hội đồng sơ tuyển là người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu cơ quan; Phó Chủ tịch Hội đồng là Trưởng Phòng Nội vụ hoặc Trưởng Phòng Tổ chức hoặc Trưởng bộ phận tổ chức của cơ quan; 02 ủy viên khác là đại diện một số bộ phận chuyên môn, nghiệp vụ có liên quan; 01 ủy viên kiêm thư ký là chuyên viên của Phòng Nội vụ hoặc Phòng Tổ chức cơ quan.

Nếu số người đăng ký tuyển dụng trong cùng một kỳ thi từ 30 người trở xuống thì không phải thành lập Hội đồng sơ tuyển; Phòng Nội vụ, Phòng Tổ chức hoặc bộ phận tham mưu về công tác tổ chức cán bộ của cơ quan giúp cơ quan thực hiện việc sơ tuyển.

c) Xem xét, duyệt hồ sơ của người dự tuyển đảm bảo đúng điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định. Thông báo công khai những người đủ điều kiện, tiêu chuẩn, những người không đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự tuyển.

d) Lập danh sách và ghi thành tập tin (file) dữ liệu (theo mẫu) trình Thủ trưởng cơ quan và công văn cử những người đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự thi gửi về Sở Nội vụ.

4. Thành lập Hội đồng tuyển dụng công chức. Thẩm định hồ sơ và tổng hợp danh sách

a) Thành lập Hội đồng tuyển dụng công chức. Thành phần và nhiệm vụ của Hội đồng tuyển dụng thực hiện theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức.

b) Trên cơ sở hồ sơ và danh sách đề nghị của các cơ quan, Sở Nội vụ thẩm định và tổng hợp danh sách những người đủ điều kiện dự thi trình Hội đồng tuyển dụng công chức và thông báo đến các cơ quan có người dự tuyển để niêm yết công khai tại trụ sở làm việc.

5. Các môn thi, hình thức và thời gian thi

a) Các thí sinh tham gia thi tuyển phải dự thi đủ các môn thi sau:

- Môn kiến thức chung: Thi viết 01 bài về hệ thống chính trị, tổ chức bộ máy của Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội; quản lý hành chính nhà nước;

Thời gian thi: 120 phút đối với công chức loại D; 180 phút đối với công chức loại C (không kể thời gian phát đề thi).

- Môn nghiệp vụ chuyên ngành: Thi viết 01 bài và thi trắc nghiệm 01 bài về nghiệp vụ chuyên ngành theo yêu cầu của vị trí việc làm gồm: Chức năng, nhiệm vụ của sở, ban, ngành chuyên môn, các văn bản của Trung ương, thành phố quy định về quản lý nhà nước đối với chuyên môn, nghiệp vụ mà thí sinh dự thi.

Đối với trường hợp thi vào vị trí việc làm yêu cầu chuyên môn là ngoại ngữ hoặc tin học thì môn thi nghiệp vụ chuyên ngành là ngoại ngữ hoặc tin học.

Thời gian thi:

- Thi viết: 120 phút đối với ngạch cán sự và tương đương; 180 phút đối với ngạch chuyên viên và tương đương (không kể thời gian phát đề thi).

- Thi trắc nghiệm: 30 phút đối với ngạch cán sự và tương đương; 45 phút đối với ngạch chuyên viên và tương đương (không kể thời gian phát đề thi).

- Môn ngoại ngữ: Thi 01 bài bằng 01 trong 05 thứ tiếng Anh, Pháp, Nga, Trung, Đức. Trình độ chứng chỉ A đối với ngạch cán sự và tương đương; trình độ chứng chỉ B đối với ngạch chuyên viên và tương đương.

Thời gian thi: 60 phút đối với ngạch cán sự và tương đương; 90 phút đối với ngạch chuyên viên và tương đương (không kể thời gian phát đề thi).

- Môn tin học văn phòng:

Thi trắc nghiệm: 30 phút đối với ngạch cán sự và tương đương; 45 phút đối với ngạch chuyên viên và tương đương (không kể thời gian phát đề thi).

b) Điều kiện miễn thi một số môn

Người đăng ký dự tuyển công chức được miễn thi một số môn trong kỳ thi tuyển công chức như sau:

- Miễn thi môn ngoại ngữ trong trường hợp môn nghiệp vụ chuyên ngành không phải là ngoại ngữ nếu có một trong các điều kiện sau:

- Có bằng tốt nghiệp đại học, sau đại học về ngoại ngữ;

- Có bằng tốt nghiệp đại học, sau đại học ở nước ngoài hoặc tốt nghiệp đại học, sau đại học tại cơ sở đào tạo bằng tiếng nước ngoài ở Việt Nam.

- Miễn thi môn tin học văn phòng đối với người dự tuyển đã tốt nghiệp từ trung cấp chuyên ngành công nghệ thông tin trở lên.

6. Chấm thi và phúc khảo bài thi

Được thực hiện theo Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức (phụ lục số

2) ban hành kèm theo Thông tư số 13/2010/TT-BNV ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Bộ Nội vụ.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thi, Hội đồng thi tuyển công bố kết quả thi tại địa điểm thi, trên trang web của Sở Nội vụ và cơ quan có thi sinh đăng ký dự tuyển.

7. Xác định người trúng tuyển

Người trúng tuyển trong kỳ thi phải có đủ các bài thi của các môn thi; có điểm của mỗi bài thi đạt từ 50 điểm trở lên và lấy theo điểm từ cao xuống cho đến hết chỉ tiêu tuyển dụng của từng vị trí việc làm.

Trường hợp có từ 02 người có kết quả bằng nhau ở vị trí tuyển dụng, người có điểm cao hơn của môn nghiệp vụ chuyên ngành (điểm viết; nếu điểm viết bằng nhau thì tính điểm trắc nghiệm) sẽ là người trúng tuyển; nếu điểm viết và trắc nghiệm bằng nhau thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định người trúng tuyển.

8. Công bố kết quả trúng tuyển

- Hội đồng thi tuyển lập danh sách thí sinh trúng tuyển trong kỳ thi, trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định công nhận kết quả trúng tuyển.

- Sở Nội vụ công bố Quyết định công nhận kết quả trúng tuyển đến các cơ quan và trên trang thông tin điện tử của Sở Nội vụ.

- Các cơ quan thông báo công nhận kết quả trúng tuyển đến người dự tuyển đã đăng ký thi tuyển tại cơ quan mình.

9. Quyết định tuyển dụng

a) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo công nhận kết quả trúng tuyển, người trúng tuyển phải đến cơ quan đăng ký thi tuyển hoàn thiện hồ sơ, gồm:

- Bản sao văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của vị trí dự tuyển được cơ quan có thẩm quyền chứng thực;

- Phiếu lý lịch tư pháp do Sở Tư pháp nơi thường trú cấp.

b) Giám đốc các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận-huyện có người trúng tuyển ra quyết định tuyển dụng.

c) Đối tượng hợp đồng tạm tuyển, nếu trúng tuyển, Thủ trưởng đơn vị ra quyết định tuyển dụng, thời gian tuyển dụng được tính kể từ ngày ký hợp đồng tạm tuyển;

nếu không trúng tuyển trong kỳ thi, cơ quan thực hiện thủ tục chấm dứt hợp đồng theo quy định.

d) Người được tuyển dụng thực hiện chế độ tập sự theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức.

đ) Đối với các trường hợp được miễn thực hiện chế độ tập sự theo quy định tại Khoản 1 Điều 12 Thông tư số 13/2010/TT-BNV ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Bộ Nội vụ thì sau khi người trúng tuyển hoàn thiện hồ sơ, thì cơ quan làm thủ tục bổ nhiệm ngạch công chức theo quy định.

Chương IV

BỔ NHIỆM NGẠCH VÀ XẾP LƯƠNG

Điều 10. Bổ nhiệm ngạch

1. Khi hết thời gian tập sự theo quy định, cơ quan sử dụng công chức có nhận xét, đánh giá, lập hồ sơ đề nghị cơ quan quản lý công chức bổ nhiệm ngạch và xếp lương đối với công chức được tuyển dụng.

2. Thành phần hồ sơ:

a) Thành phần chung:

- Công văn đề nghị của Thủ trưởng cơ quan sử dụng công chức;
- Sơ yếu lý lịch theo mẫu 2c-2008/BNV.
- Bản sao hộ khẩu thường trú;
- Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của vị trí dự tuyển.

b) Đối với trường hợp thực hiện chế độ tập sự: Ngoài thành phần chung đã nêu, còn có:

- Bản sao quyết định tuyển dụng;
- Báo cáo kết quả của người tập sự và nhận xét đánh giá của người hướng dẫn tập sự có xác nhận của Thủ trưởng cơ quan sử dụng công chức.

c) Đối với trường hợp được miễn thực hiện chế độ tập sự: Ngoài thành phần chung đã nêu, còn có:

- Hợp đồng lao động hoặc các văn bản của cơ quan cũ phân công công việc trước khi tham gia tuyển dụng;

- Các Quyết định nghỉ việc ở cơ quan cũ;
- Bản sao sổ bảo hiểm xã hội;
- Nhận xét của Thủ trưởng cơ quan sử dụng công chức.

Điều 11. Xếp lương khi bổ nhiệm ngạch

1. Đối với trường hợp thực hiện chế độ tập sự (tuyển mới: chưa có quá trình công tác hoặc đã có quá trình công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc nhưng vị trí việc làm được tuyển dụng không đúng với chuyên môn, nghiệp vụ trước đây đã đảm nhận) thì xếp lương vào bậc 1 của ngạch được bổ nhiệm. Nếu người được bổ nhiệm có trình độ thạc sĩ thì xếp lương vào bậc 2, trình độ tiến sĩ thì xếp lương vào bậc 3 của ngạch được bổ nhiệm. Ngày hưởng và mốc thời gian nâng lương lần sau được tính kể từ ngày bổ nhiệm ngạch.

2. Đối với trường hợp được miễn chế độ tập sự (đã có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc và đã làm những công việc phù hợp với yêu cầu của ngạch công chức được tuyển dụng) thì thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (nếu đứt quãng thì cộng dồn) được tính để làm căn cứ xếp bậc lương của ngạch được bổ nhiệm. Cụ thể:

a) Đối với trường hợp đang được xếp lương theo ngạch, bậc, chức vụ, cấp hàm theo bảng lương do Nhà nước quy định: Thực hiện theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 11 Thông tư số 13/2010/TT-BNV ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Bộ Nội vụ. Cụ thể:

- Đối với công chức loại C: Có thời gian làm những công việc của ngạch công chức được tuyển dụng đủ 12 tháng thì được xếp lương vào bậc 1 của ngạch được bổ nhiệm, sau đó cứ mỗi 36 tháng thì được xếp lên một bậc lương. Thời điểm hưởng lương được tính từ ngày bổ nhiệm ngạch. Mốc nâng lương lần sau tính từ thời điểm xếp bậc lương được hưởng.

- Đối với công chức loại D: Có thời gian làm những công việc của ngạch công chức được tuyển dụng đủ 6 tháng thì được xếp lương vào bậc 1 của ngạch được bổ nhiệm, sau đó cứ mỗi 24 tháng thì được xếp lên một bậc lương. Thời điểm hưởng lương được tính từ ngày bổ nhiệm ngạch. Mốc nâng lương lần sau tính từ thời điểm xếp bậc lương được hưởng.

b) Đối với trường hợp chưa được xếp lương theo ngạch, bậc, chức vụ, cấp hàm theo bảng lương do Nhà nước quy định: Thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 11 Thông tư số 13/2010/TT-BNV ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Bộ Nội vụ.

c) Đối với trường hợp đã ký hợp đồng tạm tuyển, đang được xếp ngạch lương ngạch, bậc theo bảng lương do Nhà nước quy định, đã có thời gian làm những công việc phù hợp với yêu cầu của vị trí cần tuyển bằng hoặc lớn hơn thời gian tập sự theo quy định, thực hiện xếp lương theo quy định tại Điểm a Khoản này. Ngày hưởng và mốc thời gian nâng lương lần sau được tính kể từ ngày bổ nhiệm ngạch.

d) Đối với trường hợp đang hưởng lương theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ, đã có thời gian làm những công việc phù hợp với yêu cầu của vị trí cần tuyển bằng hoặc lớn hơn thời gian tập sự theo quy định, thực hiện xếp lương theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Phân công thực hiện

1. Hội đồng tuyển dụng công chức thành phố:

Báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định công nhận kết quả trúng tuyển.

2. Sở Nội vụ:

- Lập kế hoạch tuyển dụng hàng năm; tham mưu trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định thành lập Hội đồng tuyển dụng công chức thành phố và là cơ quan thường trực của Hội đồng; triển khai công tác tuyển dụng chung của toàn thành phố; thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng về chỉ tiêu, tiêu chuẩn, điều kiện, thành phần hồ sơ đăng ký dự tuyển, lịch tuyển dụng công chức; hướng dẫn các cơ quan, đơn vị tiếp nhận hồ sơ thí sinh đăng ký dự tuyển; thẩm định hồ sơ thí sinh đủ điều kiện; tổng hợp danh sách thí sinh đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự tuyển; chuẩn bị tài liệu các môn thi theo yêu cầu của Hội đồng; tổng hợp kết quả tuyển dụng để Hội đồng báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định công nhận kết quả; Thông báo Quyết định công nhận kết quả tuyển dụng đến cơ quan, đơn vị có người đăng ký dự tuyển.

- Quyết định bổ nhiệm ngạch đối với công chức loại C.

3. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận - huyện

- Đăng ký nhu cầu tuyển dụng công chức của năm, gửi về Sở Nội vụ chậm nhất là ngày 31 tháng 3 hàng năm;

- Thông báo công khai tại trụ sở làm việc và trên trang thông tin điện tử về chỉ

tiêu, tiêu chuẩn, điều kiện, thành phần hồ sơ đăng ký dự tuyển, danh sách thí sinh đủ điều kiện và lịch tuyển dụng công chức theo hướng dẫn của Hội đồng tuyển dụng;

- Tổ chức tiếp nhận hồ sơ đăng ký dự tuyển; thành lập Hội đồng sơ tuyển, xét duyệt hồ sơ người dự tuyển đảm bảo đúng điều kiện, tiêu chuẩn; lập danh sách thí sinh đủ điều kiện, tiêu chuẩn gửi về Hội đồng tuyển dụng (qua Sở Nội vụ);

- Thông báo kết quả tuyển dụng tới từng thí sinh; hướng dẫn thí sinh trúng tuyển hoàn thiện hồ sơ;

- Quyết định tuyển dụng đối với thí sinh trúng tuyển, phân công công tác theo đúng vị trí việc làm, chỉ tiêu đăng ký tuyển dụng.

- Quyết định bổ nhiệm ngạch đối với công chức loại D.

Điều 13. Xử lý vi phạm

Cơ quan, đơn vị và cá nhân vi phạm quy định này thì tùy theo mức độ và tính chất vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Điều khoản thi hành

1. Cơ quan, đơn vị tuyển dụng công chức chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện theo Quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu có vướng mắc, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Nội vụ để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, sửa đổi, bổ sung./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 1**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 1****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02/2012/QĐ-UBND

Quận 1, ngày 16 tháng 7 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH**Ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Thanh tra quận 1****ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 1**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Thanh tra ngày 15 tháng 6 năm 2004 và Nghị định số 41/2005/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ về việc quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thanh tra;

Căn cứ Luật Khiếu nại, tố cáo ngày 02 tháng 12 năm 1998; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khiếu nại, tố cáo ngày 15 tháng 6 năm 2004 và ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 14/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 475/2009/TTLT-TTCT-BNV ngày 13 tháng 3 năm 2009 của Thanh tra Chính phủ - Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thanh tra tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thanh tra huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 41/2008/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận, huyện;

Căn cứ Quyết định số 72/2009/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2009 của Ủy

ban nhân dân Thành phố ban hành Quy chế (mẫu) về tổ chức và hoạt động của Thanh tra quận, huyện;

Xét đề nghị của Chánh Thanh tra quận 1 tại Tờ trình số 96/TTr-TTQ ngày 13 tháng 5 năm 2011, Báo cáo thẩm định của Phòng Tư pháp và Trưởng Phòng Nội vụ quận 1 tại Tờ trình số 363/TTr-NV ngày 09 tháng 7 năm 2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế về tổ chức và hoạt động của Thanh tra quận 1.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành sau 07 ngày, kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 439/2003/QĐ-UB ngày 12 tháng 5 năm 2003 của Ủy ban nhân dân quận 1 về ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Thanh tra quận 1.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận 1, Trưởng Phòng Tư pháp, Trưởng Phòng Nội vụ, Chánh Thanh tra quận 1, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và Chủ tịch ủy ban nhân dân 10 phường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Vĩnh Tuyến

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của Thanh tra quận 1
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 02/2012/QĐ-UBND
ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Ủy ban nhân dân quận 1)*

Chương I

VỊ TRÍ VÀ CHỨC NĂNG

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Vị trí

Thanh tra quận 1 là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận 1.

Thanh tra quận 1 có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân quận; đồng thời chịu sự hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Thanh tra Thành phố.

2. Chức năng

Thanh tra quận 1 tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân quận 1 thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác: thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo; thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn thanh tra hành chính trong phạm vi quản lý Nhà nước, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng theo quy định của pháp luật.

Chương II

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

Thanh tra quận 1 thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật về Thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng và các nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể sau đây:

1. Trình Ủy ban nhân dân quận 1 ban hành quyết định, chỉ thị về công tác thanh

tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng; chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính thuộc lĩnh vực quản lý Nhà nước được giao.

2. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận phê duyệt chương trình, kế hoạch thanh tra hàng năm và các chương trình, kế hoạch khác theo quy định của pháp luật.

3. Tổ chức thực hiện các văn bản pháp luật, chương trình, kế hoạch sau khi được Ủy ban nhân dân quận hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận phê duyệt.

4. Thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về lĩnh vực thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng; hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng cho cán bộ, công chức thuộc Ủy ban nhân dân 10 phường.

5. Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc Chủ tịch Ủy ban nhân dân 10 phường, thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận trong việc thực hiện pháp luật về thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng.

6. Về Thanh tra:

a) Thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân 10 phường, của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận;

b) Thanh tra vụ việc có liên quan đến trách nhiệm của nhiều Ủy ban nhân dân phường, nhiều cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận;

c) Thanh tra vụ việc khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận giao;

d) Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra của Thanh tra quận và của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận.

7. Về giải quyết khiếu nại, tố cáo:

a) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân 10 phường, các cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc quyền quản lý của Ủy ban nhân dân quận thực hiện việc tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, giải quyết khiếu nại tố cáo;

b) Thanh tra, kiểm tra trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân 10 phường, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc quyền quản lý của Ủy ban nhân dân quận trong việc tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; kiến nghị các biện pháp tăng cường công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc phạm vi quản lý của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận;

c) Xác minh, kết luận và kiến nghị việc giải quyết vụ việc khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận khi được giao;

d) Xem xét, kết luận nội dung tố cáo mà Chủ tịch Ủy ban nhân dân 10 phường và Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận đã giải quyết nhưng có vi phạm pháp luật; trong trường hợp kết luận việc giải quyết có vi phạm pháp luật thì kiến nghị người đã giải quyết xem xét giải quyết lại theo quy định;

đ) Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các quyết định giải quyết khiếu nại, quyết định xử lý tố cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận.

8. Về phòng, chống tham nhũng:

a) Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng của Ủy ban nhân dân 10 phường và các cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý của Ủy ban nhân dân quận;

b) Phối hợp với cơ quan kiểm toán nhà nước, cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân trong việc phát hiện hành vi tham nhũng, xử lý người có hành vi tham nhũng và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết luận, quyết định của mình trong quá trình thanh tra vụ việc tham nhũng;

c) Tiến hành xác minh kê khai tài sản, thu nhập theo quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng;

d) Kiểm tra, giám sát nội bộ nhằm ngăn chặn hành vi tham nhũng trong hoạt động thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng.

9. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng được thực hiện quyền hạn của Thanh tra quận theo quy định của pháp luật; được yêu cầu cơ quan, đơn vị có liên quan cử cán bộ, công chức tham gia các Đoàn thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, đình chỉ hoặc hủy bỏ những quy định trái pháp luật phát hiện qua công tác thanh tra.

10. Tổ chức ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ; xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ phục vụ công tác quản lý nhà nước và chuyên môn, nghiệp vụ của Thanh tra quận.

11. Tổng hợp, thông tin, báo cáo kết quả công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng theo quy định của Ủy ban nhân dân quận và Thanh tra Thành phố.

12. Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, thực hiện chế độ, chính sách, chế độ đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật, đào tạo và bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức thuộc phạm vi quản lý của Thanh tra quận theo quy định của pháp luật và theo phân cấp của Ủy ban nhân dân quận.

13. Quản lý tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật và phân cấp của Ủy ban nhân dân quận.

14. Thực hiện nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân quận giao và theo quy định của pháp luật.

Chương III

TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ BIÊN CHẾ

Điều 3. Tổ chức bộ máy

1. Thanh tra quận có Chánh Thanh tra và 03 Phó Chánh Thanh tra:

a) Chánh Thanh tra là người đứng đầu cơ quan Thanh tra quận chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận đồng thời chịu trách nhiệm trước Chánh Thanh tra thành phố về thực hiện các mặt công tác chuyên môn và trước pháp luật về việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao và toàn bộ hoạt động của Thanh tra;

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Chánh Thanh tra quận do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định theo tiêu chuẩn, nghiệp vụ do Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành và sau khi thống nhất với Chánh Thanh tra Thành phố;

b) Phó Chánh Thanh tra là người giúp Chánh Thanh tra quận phụ trách và theo dõi một số mặt công tác; chịu trách nhiệm trước Chánh Thanh tra quận và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công. Khi Chánh Thanh tra vắng mặt một Phó Chánh Thanh tra được Chánh Thanh tra ủy nhiệm điều hành các hoạt động của Thanh tra;

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Phó Chánh Thanh tra quận do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ do Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành và theo đề nghị của Chánh Thanh tra quận;

c) Việc khen thưởng, kỷ luật và các chế độ chính sách khác đối với Chánh Thanh tra và Phó Chánh Thanh tra quận thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Công chức chuyên môn, nghiệp vụ làm công tác quản lý nhà nước về thanh tra trên địa bàn quận có: thanh tra viên, chuyên viên, nhân viên trong biên chế, hưởng

lượng từ ngân sách được bố trí tương xứng với nhiệm vụ được giao. Ngoài ra, Thanh tra quận có thể sử dụng nhân viên hợp đồng và cộng tác viên để phục vụ công tác thanh tra.

Điều 4. Biên chế

Căn cứ vào khối lượng công việc và tính chất đặc thù, phức tạp của công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng tại quận 1, Ủy ban nhân dân quận 1 bố trí biên chế cho Thanh tra quận 1, đảm bảo đủ lực lượng để đáp ứng yêu cầu và hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Số lượng biên chế hành chính của Thanh tra quận do Ủy ban nhân dân quận quyết định trong tổng chỉ tiêu biên chế hành chính được Ủy ban nhân dân Thành phố giao cho quận hàng năm.

Chương IV

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 5. Chế độ làm việc

1. Chánh Thanh tra quận phụ trách, điều hành các hoạt động của Thanh tra và phụ trách những công tác trọng tâm. Các Phó Chánh Thanh tra phụ trách những lĩnh vực công tác được Chánh Thanh tra phân công, trực tiếp giải quyết các công việc phát sinh.

2. Khi giải quyết công việc thuộc lĩnh vực mình phụ trách có liên quan đến nội dung chuyên môn của Phó Chánh Thanh tra khác, Phó Chánh Thanh tra chủ động bàn bạc thống nhất hướng giải quyết, chỉ trình Chánh Thanh tra quyết định các vấn đề chưa nhất trí với các Phó Chánh Thanh tra khác hoặc những vấn đề mới phát sinh mà chưa có chủ trương, kế hoạch và biện pháp giải quyết.

3. Trong trường hợp Chánh Thanh tra trực tiếp yêu cầu Thanh tra viên hoặc chuyên viên giải quyết công việc thuộc phạm vi thẩm quyền của Phó Chánh Thanh tra, yêu cầu đó được thực hiện nhưng Thanh tra viên hoặc chuyên viên đó phải báo cáo cho Phó Chánh Thanh tra trực tiếp phụ trách biết.

Điều 6. Chế độ sinh hoạt hội họp

1. Hàng tuần, lãnh đạo họp giao ban một lần để đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ và phổ biến kế hoạch công tác cho tuần sau.

2. Mỗi tháng họp toàn thể cán bộ, công chức một lần.

3. Lịch làm việc với các tổ chức và cá nhân có liên quan, thể hiện trong lịch công tác hàng tuần, tháng của đơn vị; nội dung làm việc được chuẩn bị chu đáo để giải quyết có hiệu quả các yêu cầu phát sinh liên quan đến hoạt động chuyên môn của Thanh tra.

Điều 7. Mối quan hệ công tác

1. Đối với Thanh tra Thành phố: Thanh tra quận chịu sự hướng dẫn, kiểm tra và thanh tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Thanh tra Thành phố, thực hiện việc báo cáo công tác chuyên môn định kỳ và theo yêu cầu của Chánh Thanh tra Thành phố.

2. Đối với Ủy ban nhân dân quận:

Thanh tra quận chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp và toàn diện của Ủy ban nhân dân quận về toàn bộ công tác theo chức năng, nhiệm vụ của mình, Chánh Thanh tra trực tiếp nhận chỉ đạo và nội dung công tác từ Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận và phải báo cáo với Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận về những mặt công tác đã được phân công;

Theo định kỳ, Thanh tra quận phải báo cáo với Ủy ban nhân dân quận về nội dung công tác của Thanh tra quận và đề xuất các biện pháp giải quyết công tác chuyên môn trong quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực liên quan.

3. Đối với các cơ quan chuyên môn khác thuộc Ủy ban nhân dân quận:

Thực hiện mối quan hệ hợp tác và phối hợp trên cơ sở bình đẳng, theo chức năng, nhiệm vụ, dưới sự điều hành chung của Ủy ban nhân dân quận, nhằm đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ chính trị, kế hoạch kinh tế - xã hội của quận. Trong trường hợp Thanh tra quận chủ trì phối hợp giải quyết công việc, nếu chưa nhất trí với ý kiến của Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn khác, Chánh Thanh tra quận tập hợp các ý kiến và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận xem xét, quyết định.

4. Đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đơn vị sự nghiệp, các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội của quận:

Khi Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận, phường, các đơn vị sự nghiệp, các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội của quận có yêu cầu, kiến nghị các vấn đề thuộc chức năng của Thanh tra, Chánh Thanh tra có trách nhiệm trình bày, giải quyết hoặc trình Ủy ban nhân dân quận giải quyết các yêu cầu đó theo thẩm quyền.

5. Đối với Ủy ban nhân dân phường:

a) Phối hợp, hướng dẫn và kiểm tra đôn đốc Ủy ban nhân dân các phường thực hiện các nội dung quản lý nhà nước liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Thanh tra;

b) Hướng dẫn các phường về chuyên môn, nghiệp vụ của ngành, lĩnh vực công tác do Thanh tra quận quản lý.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Quy chế này được triển khai đến tất cả các cán bộ, công chức Thanh tra quận.

Những cán bộ, công chức chấp hành tốt Quy chế, có thành tích trong thực hiện nhiệm vụ được phân công sẽ được khen thưởng theo quy định.

Những cán bộ, công chức có hành vi vi phạm Quy chế, vi phạm pháp luật, không hoàn thành nhiệm vụ, tùy mức độ sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Chánh Thanh tra và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan thuộc Ủy ban nhân dân quận có trách nhiệm thực hiện Quy chế tổ chức và hoạt động của Thanh tra sau khi được Ủy ban nhân dân quận ký quyết định ban hành. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh các vấn đề vượt quá thẩm quyền thì nghiên cứu đề xuất, kiến nghị với Ủy ban nhân dân quận xem xét, giải quyết hoặc bổ sung và sửa đổi Quy chế cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Trần Vĩnh Tuyền

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 6****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 03/2012/QĐ-UBND

Quận 6, ngày 24 tháng 7 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH**Về việc phân công quản lý nhà nước đối với
các tổ chức hội trên địa bàn Quận 6****ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

Căn cứ Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

Căn cứ Thông tư số 11/2010/TT-BNV ngày 26 tháng 11 năm 2010 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 41/2008/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện;

Căn cứ Quyết định số 54/2011/QĐ-UBND ngày 03 tháng 8 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phân công quản lý nhà nước đối với các tổ chức hội trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Nội vụ quận 6 tại Tờ trình số 545/TTr-NV ngày 19 tháng 6 năm 2012,

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1. Những quy định chung**

1. Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với tổ chức hội nhằm bảo đảm việc thành lập và hoạt động của các tổ chức hội có hiệu quả, đúng pháp luật và đúng Điều lệ đã được Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt, góp phần vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của quận và thành phố.

2. Đối tượng quản lý nhà nước quy định trong Quyết định này bao gồm các hội có phạm vi hoạt động trong địa bàn quận, phường được Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định cho phép thành lập theo Sắc lệnh số 102/SL/L004 ngày 20 tháng 5 năm 1957 ban hành Luật quy định quyền lập hội, Nghị định số 88/2003/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2003 và Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội.

Điều 2. Giao trách nhiệm quản lý nhà nước đối với tổ chức hội

1. Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận 6 (sau đây gọi tắt là Phòng chuyên môn) quản lý nhà nước đối với các tổ chức hội có phạm vi hoạt động trong địa bàn quận (theo danh sách đính kèm tại thời điểm ban hành và các quyết định thành lập hội phát sinh sau thời điểm ban hành Quyết định này).

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường quản lý nhà nước đối với các tổ chức hội có phạm vi hoạt động trong địa bàn phường (theo danh sách đính kèm).

Điều 3. Nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với tổ chức hội của Thủ trưởng các Phòng chuyên môn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường gồm các nội dung như sau:

1. Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân quận xem xét, quyết định công nhận Ban vận động thành lập hội theo Điểm b, c, Khoản 4 và Khoản 5 Điều 6 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP của Chính phủ và Khoản 1 Điều 1 Thông tư số 11/2010/TT-BNV ngày 26 tháng 11 năm 2010 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ.

2. Có ý kiến bằng văn bản gửi Ủy ban nhân dân quận 6 (thông qua Phòng Nội vụ) về việc thành lập, chia tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, tổ chức Đại hội nhiệm kỳ và Điều lệ của các hội.

3. Cung cấp các thông tin cần thiết về chính sách, pháp luật, kế hoạch, chương trình công tác và phương hướng phát triển của ngành, lĩnh vực hoặc của phường để

hội có cơ sở định hướng và xây dựng kế hoạch hoạt động của các hội trong địa bàn quận, phường; tạo điều kiện để hội tham gia các hoạt động phát triển sự nghiệp y tế, văn hóa, giáo dục, khoa học công nghệ, thể dục thể thao và khuyến khích hoạt động của các tổ chức hội gắn với việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của ngành, lĩnh vực và của phường.

4. Lấy ý kiến của các hội để hoàn thiện các quy định quản lý nhà nước và tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức hội tham gia đóng góp ý kiến với vai trò phản biện xã hội đối với các chủ trương, chính sách, kế hoạch, quy hoạch, phương hướng, chương trình công tác sắp tới của quận, của ngành, của phường.

5. Rà soát, lập danh sách những tổ chức hội trên địa bàn quận thuộc ngành, lĩnh vực và phường được thành lập không đúng thẩm quyền hoặc không đúng quy định, báo cáo Ủy ban nhân dân quận 6 (thông qua Phòng Nội vụ tổng hợp) xem xét, giải quyết.

6. Hướng dẫn các tổ chức hội xây dựng, sửa đổi Điều lệ.

7. Phối hợp với các cơ quan chức năng có liên quan kiểm tra việc sử dụng và quản lý tài chính của các tổ chức hội, bảo đảm việc sử dụng tài chính đúng mục đích đã đề ra.

8. Tham mưu Ủy ban nhân dân quận có ý kiến bằng văn bản với các cơ quan chức năng về việc tiếp nhận tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong, ngoài nước theo quy định của pháp luật và những vấn đề có liên quan đến tổ chức và hoạt động của các tổ chức hội.

9. Kiểm tra hoạt động của các tổ chức hội trong việc chấp hành pháp luật và thực hiện Điều lệ hội, đề xuất biện pháp xử lý đối với các vi phạm của các tổ chức hội.

10. Định kỳ báo cáo quý, 6 tháng, năm và đột xuất (khi cần thiết) về tình hình tổ chức, hoạt động và quản lý các tổ chức hội thuộc ngành, lĩnh vực và phường cho Ủy ban nhân dân quận 6 (thông qua Phòng Nội vụ).

Điều 4. Phòng Tài chính - Kế hoạch quận 6 có trách nhiệm:

1. Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân quận 6 thực hiện cấp kinh phí hoạt động đối với các hội được Ủy ban nhân dân quận duyệt hỗ trợ kinh phí hoạt động.

2. Phối hợp với các Phòng chuyên môn có liên quan trình Ủy ban nhân dân quận xem xét hỗ trợ đối với tổ chức hội theo quy định của pháp luật.

3. Định kỳ hàng năm và đột xuất, báo cáo Ủy ban nhân dân quận tình hình cấp

kinh phí hoạt động cho các hội được Ủy ban nhân dân quận duyệt hỗ trợ kinh phí hoạt động.

Điều 5. Phòng Nội vụ có trách nhiệm:

1. Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân quận xem xét, thẩm định trình Ủy ban nhân dân Thành phố hồ sơ xin phép thành lập, chia tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, đổi tên đối với các tổ chức hội có phạm vi hoạt động trong quận, phường.

2. Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân quận xem xét, có văn bản chấp thuận việc tổ chức Đại hội nhiệm kỳ và phê duyệt Điều lệ hội đối với các tổ chức hội có phạm vi hoạt động trong quận, phường.

3. Theo dõi quản lý và phối hợp với các Phòng chuyên môn có liên quan và Ủy ban nhân dân các phường giải quyết những vấn đề phát sinh trong quá trình tổ chức và hoạt động của các tổ chức hội có phạm vi hoạt động trong quận, phường.

4. Phối hợp các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra, thanh tra việc thực hiện Điều lệ và chấp hành pháp luật; kiến nghị việc xử lý vi phạm của các tổ chức hội trên cơ sở đề nghị của các cơ quan quản lý nhà nước ngành, lĩnh vực trình Ủy ban nhân dân quận xem xét đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định.

5. Tham mưu Ủy ban nhân dân quận tổ chức hướng dẫn nghiệp vụ quản lý nhà nước về công tác hội cho các Phòng chuyên môn, Ủy ban nhân dân các phường.

6. Tham mưu Ủy ban nhân dân quận báo cáo 6 tháng, báo cáo năm và đột xuất (khi cần thiết) về tình hình tổ chức, hoạt động và quản lý các tổ chức hội trên địa bàn quận cho Sở Nội vụ và Ủy ban nhân dân Thành phố.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 07 (bảy) ngày, kể từ ngày ký.

Điều 7. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận 6, Trưởng Phòng Nội vụ quận 6, Thủ trưởng các Phòng chuyên môn có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Hữu Trí

DANH SÁCH**Phân công quản lý nhà nước đối với các hội trên địa bàn Quận 6**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 03/2012/QĐ-UBND
ngày 24 tháng 7 năm 2012 của Ủy ban nhân dân quận 6)*

1. Phòng Nội vụ:

- Hội Chữ thập đỏ quận 6;
- Hội Liên hiệp Thanh niên quận 6.

2. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội:

- Hội Người mù quận 6;
- Hội Cựu Thanh niên Xung phong quận 6.

3. Phòng Y tế:

- Hội Đông y quận 6;
- Ban đại diện Hội Người cao tuổi quận 6.

4. Phòng Kinh tế:

- Hội Doanh nghiệp quận 6;
- Hội Sinh vật cảnh quận 6.

5. Phòng Giáo dục và Đào tạo:

- Hội Khuyến học quận 6;
- Hội Cựu giáo chức quận 6;

6. Phòng Tư pháp:

- Hội Luật gia quận 6.

7. Ủy ban nhân dân 14 phường:

- Hội Liên hiệp Thanh niên phường;
- Hội Khuyến học phường;
- Hội Chữ thập đỏ phường;
- Hội Người cao tuổi phường.

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 7****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 08/2012/QĐ-UBND

*Quận 7, ngày 31 tháng 7 năm 2012***QUYẾT ĐỊNH**

Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Văn hóa và Thông tin quận 7, ban hành kèm theo Quyết định số 14/2008/QĐ-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2008 của Ủy ban nhân dân quận 7

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị quyết số 26/2008/NQ-QH12 ngày 15 tháng 11 năm 2008 của Quốc hội XII, kỳ họp thứ 4 về thực hiện thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường;

Căn cứ Nghị quyết số 725/2009/UBTVQH12 ngày 16 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XII về điều chỉnh nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và quy định nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Ủy ban nhân dân huyện, quận, phường nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường;

Căn cứ Nghị định số 14/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; Nghị định số 12/2010/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 14/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 43/2008/TTLT-BVHTTDL-BNV ngày 06 tháng 6 năm 2008 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Phòng Văn hóa và Thông tin thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 03/2008/TTLT-BTTTT-BNV ngày 30 tháng 6 năm 2008 của Bộ Thông tin và Truyền thông và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Thông tin và Truyền thông thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Phòng Văn hóa và Thông tin thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện;

Căn cứ Quyết định số 41/2008/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện;

Xét Báo cáo thẩm định số 340/BC-TP ngày 24 tháng 7 năm 2012 của Trưởng Phòng Tư pháp quận và Trưởng Phòng Nội vụ quận tại Tờ trình số 603/TTr-NV ngày 26 tháng 7 năm 2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi một số điều của Quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Văn hóa và Thông tin quận 7 như sau:

Bỏ cụm từ “Hội đồng nhân dân” tại Điểm a, Khoản 5, Điều 1, Khoản 1, Điều 6 và Điều 8 của Quy chế.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 07 ngày, kể từ ngày ký ban hành. Các nội dung khác của Quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Văn hóa và Thông tin quận 7, ban hành kèm theo Quyết định số 14/2008/QĐ-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2008 của Ủy ban nhân dân quận 7 vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Trưởng Phòng Nội vụ quận, Trưởng Phòng Văn hóa và Thông tin quận, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân 10 phường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Trọng Hiếu

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 10**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 10****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 04/2012/QĐ-UBND

*Quận 10, ngày 19 tháng 7 năm 2012***QUYẾT ĐỊNH**
Về việc bãi bỏ văn bản**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 10**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 725/2009/NQ-UBTVQH12 ngày 16 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XII điều chỉnh nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và quy định nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Ủy ban nhân dân huyện, quận, phường nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Xét thẩm định của Trưởng Phòng Tư pháp tại Công văn số 122/TP ngày 12 tháng 7 năm 2012;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Nội vụ tại Tờ trình số 402/TTr-PNV ngày 18 tháng 7 năm 2012,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Nay bãi bỏ Quyết định số 02/2010/QĐ-UBND ngày 04 tháng 10 năm 2010 của Ủy ban nhân dân quận 10 về việc sửa đổi, bổ sung danh mục các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc nguồn nộp lưu tài liệu vào lưu trữ quận 10. Do nội dung không phù hợp đặc điểm, tình hình xã hội và số ban hành văn bản không đúng với quy định pháp luật.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 07 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Trưởng Phòng Nội vụ, Trưởng Phòng Tư pháp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 15 phường, Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc quận, các tổ chức, cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Lưu

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 12

**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 12**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 13/2012/QĐ-UBND

Quận 12, ngày 10 tháng 7 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

**V/v sửa đổi, bổ sung Quy định về công tác thi đua, khen thưởng
trên địa bàn Quận 12 (được ban hành theo Quyết định số 14/2011/QĐ-UBND
ngày 14 tháng 11 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Quận 12)**

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 12

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Thi đua, Khen thưởng;

Căn cứ Quyết định số 58/2011/QĐ-UBND ngày 07 tháng 9 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 14/2011/QĐ-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Quận 12 về việc ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn quận;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Nội vụ tại Tờ trình số 187/TTr-NV ngày 22 tháng 6 năm 2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay sửa đổi, bổ sung Khoản 5, Điều 9, Chương II Quy định về công tác

thi đua, khen thưởng trên địa bàn Quận 12 (được ban hành theo Quyết định số 14/2011/QĐ-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2011) như sau:

Trường hợp đơn vị không đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” hoặc tổ chức Đảng không đạt “Trong sạch vững mạnh”, không xét danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở đối với các chức danh Bí thư, Phó Bí thư của Chi, Đảng bộ; trưởng, phó các phòng, ban, ngành và Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 07 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Trưởng Phòng Nội vụ, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng quận, thủ trưởng các phòng, ban, ngành, các trung tâm, đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 11 phường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Ngọc Hồ

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02/2012/QĐ-UBND

Củ Chi, ngày 20 tháng 02 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH**Về ban hành Kế hoạch triển khai Đề án “Tuyên truyền, giáo dục phẩm chất, đạo đức phụ nữ Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước (giai đoạn 2011 - 2015)” trên địa bàn huyện Củ Chi****ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 343/QĐ-TTg ngày 12 tháng 3 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Tuyên truyền, giáo dục phẩm chất, đạo đức phụ nữ Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước (giai đoạn 2010 - 2015);

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện Củ Chi tại Tờ trình số 266/TTr-PN ngày 30 tháng 12 năm 2011,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch triển khai Đề án “Tuyên truyền, giáo dục phẩm chất, đạo đức phụ nữ Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước (giai đoạn 2011 - 2015)” trên địa bàn huyện Củ Chi.

Điều 2. Căn cứ vào Kế hoạch triển khai Đề án của Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi, các đơn vị có liên quan xây dựng kế hoạch triển khai Đề án và tổ chức thực hiện tại cơ quan, tổ chức, địa phương mình.

Điều 3. Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện Củ Chi chịu trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra việc tổ chức thực hiện các nội dung của Kế hoạch.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân huyện, Thủ trưởng các đơn vị, phòng, ban có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Cao Thị Gái

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

Triển khai Đề án “Tuyên truyền, giáo dục phẩm chất, đạo đức phụ nữ Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước (giai đoạn 2011 - 2015)” trên địa bàn huyện Cử Chi

(Ban hành kèm theo Quyết định số 02/2012/QĐ-UBND ngày 20 tháng 02 năm 2012 của Ủy ban nhân dân huyện Cử Chi)

Căn cứ Quyết định số 343/QĐ-TTg ngày 12 tháng 3 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tuyên truyền, giáo dục phẩm chất, đạo đức phụ nữ Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước giai đoạn 2010 - 2015” (gọi tắt là Đề án 343);

Thực hiện Quyết định số 5955/QĐ-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc ban hành Kế hoạch triển khai Đề án “Tuyên truyền, giáo dục phẩm chất, đạo đức phụ nữ Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước giai đoạn 2010 - 2015”;

Ủy ban nhân dân huyện Cử Chi xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án từ 2010 - 2015 (gọi tắt là Đề án 343) trên địa bàn huyện, với các nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU - YÊU CẦU:

1. Mục tiêu chung:

Tổ chức triển khai thực hiện Đề án 343 tại huyện Cử Chi nhằm đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức, chuyển đổi hành vi của người dân, cộng đồng, xã hội, đặc biệt là của người phụ nữ trong việc giữ gìn, phát huy và xây dựng phẩm chất, đạo đức tốt đẹp của phụ nữ Việt Nam theo tiêu chí: có lòng yêu nước, có sức khỏe, có tri thức, kỹ năng nghề nghiệp, năng động, sáng tạo, có lối sống văn hóa và lòng nhân hậu, đáp ứng yêu cầu của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, theo đúng mục tiêu, đúng đối tượng và đúng nhiệm vụ của Đề án đã được Thủ tướng phê duyệt.

2. Mục tiêu cụ thể:

Phấn đấu đến năm 2015, công tác tuyên truyền, giáo dục phẩm chất, đạo đức phụ nữ phấn đấu đạt các kết quả sau:

- Trên 70% phụ nữ và trên 95% hội viên phụ nữ, nữ thanh niên, nữ cán bộ, nữ công chức, nữ viên chức, nữ công nhân được tuyên truyền, giáo dục về phẩm chất, đạo đức phụ nữ Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Trên 95% cán bộ lãnh đạo nữ, cán bộ làm công tác tuyên truyền và cán bộ Hội (từ Chi hội trưởng trở lên) được tập huấn, nâng cao kiến thức, kỹ năng trong công tác tuyên truyền, giáo dục phẩm chất, đạo đức phụ nữ Việt Nam theo tiêu chí phụ nữ Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

3. Yêu cầu:

Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện 4 tiêu Đề án trong các cấp, các ngành đúng mục đích, tiến độ về thời gian, đảm bảo sự phối hợp đồng bộ, thống nhất giữa Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện với các ban, ngành, đoàn thể huyện có liên quan và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn để thực hiện đầy đủ mục tiêu của Đề án.

Thường xuyên có sự đổi mới về phương pháp, hình thức tuyên truyền để phù hợp với các đối tượng phụ nữ nhằm nâng cao chất lượng hoạt động tuyên truyền. Bên cạnh đó, đẩy mạnh các hình thức tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng thông qua chuyên mục phát thanh phụ nữ - Đài truyền thanh huyện và hệ thống loa truyền thông không dây ở 21 xã, thị trấn, từ đó huy động sự ảnh hưởng, tham gia của toàn xã hội.

Xây dựng lực lượng cán bộ, tuyên truyền viên nòng cốt trong công tác tuyên truyền và tổ chức thực hiện.

Đảm bảo chế độ kiểm tra định kỳ và tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện Đề án đúng tiến độ.

II. NỘI DUNG TUYÊN TRUYỀN:

1. Tuyên truyền các giá trị đạo đức truyền thống, phẩm chất tốt đẹp của phụ nữ Việt Nam được xây dựng, giữ gìn và phát huy qua nhiều thế hệ, nhiều giai đoạn phát triển của đất nước.

2. Tuyên truyền tiêu chí xây dựng người phụ nữ Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước: có lòng yêu nước; có sức khỏe; có tri thức; kỹ năng nghề nghiệp; năng động, sáng tạo; có lối sống văn hóa và lòng nhân hậu.

3. Định hướng các giá trị đạo đức, phẩm chất phụ nữ Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển của xã hội trong thời kỳ mới.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Phân công thực hiện:

a) Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện:

- Là cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo, có trách nhiệm chủ động phối hợp với các ngành thành viên (Liên đoàn Lao động huyện, Huyện đoàn và Hội Nông dân huyện), tham mưu cho Ban Chỉ đạo huyện trong việc xây dựng kế hoạch triển khai và tổ chức thực hiện tiểu Đề án 1: Tuyên truyền, giáo dục phẩm chất, đạo đức phụ nữ Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong cán bộ, hội viên, phụ nữ các giới (giai đoạn 2010 - 2015).

- Phối hợp Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn tổ chức khảo sát, chọn điểm triển khai tuyên truyền các tiêu chí xây dựng người phụ nữ Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước để rút kinh nghiệm và từng bước nhân rộng.

- Phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể có liên quan tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cho đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên nòng cốt huyện và cơ sở trong tổ chức thực hiện tuyên truyền, giáo dục phẩm chất, đạo đức phụ nữ Việt Nam (phương pháp, kỹ năng tuyên truyền, giáo dục phẩm chất, đạo đức phụ nữ Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước).

- Phát hành các tài liệu tuyên truyền do Hội Liên hiệp Phụ nữ Thành phố cung cấp đến cơ sở, đồng thời đề xuất những biện pháp tuyên truyền phù hợp, có hiệu quả trong từng đối tượng.

- Chủ trì phối hợp tổ chức kiểm tra đánh giá rút kinh nghiệm kết quả thực hiện Đề án, tiểu Đề án. Đồng thời, tổng hợp kết quả thực hiện báo cáo kịp thời về Ban Chỉ đạo huyện và Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố (Thường trực Ban Chỉ đạo Đề án 343 và 704) vào ngày 05 tháng 11 hàng năm.

Tham mưu cho Ủy ban nhân dân huyện tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện Đề án.

b) Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện:

- Chủ trì xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện tiểu Đề án 2: Tuyên truyền, giáo dục phẩm chất, đạo đức phụ nữ Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong hệ thống các trường học (giai đoạn 2010 - 2015).

- Tổ chức khảo sát, chọn điểm triển khai việc tuyên truyền trong ngành, định kỳ có tổ chức sơ kết rút kinh nghiệm để nhân rộng, kiểm tra, giám sát, đánh giá tiêu Đề án 2.

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện và định kỳ báo cáo kết quả thực hiện nội dung của tiêu Đề án 2 về Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện trước ngày 25 tháng 10 hàng năm, để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân huyện và Ban Chỉ đạo thực hiện đề án huyện.

c) Đài truyền thanh huyện:

- Chủ trì xây dựng và triển khai kế hoạch thực hiện tiêu Đề án 3: Tuyên truyền, giáo dục phẩm chất, đạo đức phụ nữ Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trên các phương tiện thông tin truyền thông đại chúng (giai đoạn 2010 - 2015).

- Tăng cường các chuyên trang, chuyên mục, các tin bài nhằm tôn vinh các giá trị đạo đức truyền thống, phẩm chất tốt đẹp của phụ nữ Việt Nam được xây dựng, giữ gìn và phát huy qua nhiều thế hệ, nhiều giai đoạn phát triển.

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện và định kỳ báo cáo kết quả thực hiện nội dung của tiêu Đề án 3 về Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện trước ngày 25 tháng 10 hàng năm, để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân huyện và Ban Chỉ đạo thực hiện đề án huyện.

d) Phòng Văn hóa - Thông tin, Trung tâm Văn hóa, Trung tâm Thể dục thể thao huyện:

Chủ trì xây dựng và triển khai kế hoạch thực hiện tiêu Đề án 4: Tuyên truyền, giáo dục phẩm chất, đạo đức phụ nữ Việt Nam thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước thông qua hoạt động văn hóa thể thao và du lịch (giai đoạn 2010 - 2015), bao gồm các hoạt động:

- Tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ nghiệp vụ văn hóa thông tin xã, thị trấn.

- Tổ chức huy động lực lượng nghệ sỹ tham gia sáng tác, biểu diễn,... về tiêu chí người phụ nữ Việt Nam.

Đưa tiêu chí xây dựng người phụ nữ Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước vào các tiêu chuẩn Gia đình văn hóa của khu dân cư trên địa bàn huyện theo hướng dẫn của Trung ương.

Tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện và định kỳ báo cáo kết quả thực hiện nội dung của tiểu Đề án 4 về Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện trước ngày 25 tháng 10 hàng năm, để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân huyện và Ban Chỉ đạo thực hiện đề án huyện.

e) Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện:

- Cân đối, phân bổ ngân sách hàng năm đảm bảo cho việc triển khai thực hiện Đề án và các tiểu Đề án.

- Có trách nhiệm hướng dẫn các đơn vị chủ trì thực hiện các tiểu Đề án xây dựng dự trù kinh phí hàng năm, hướng dẫn các ngành liên quan trong lập dự toán, sử dụng, quyết toán kinh phí thực hiện Đề án theo đúng quy định.

- Kiểm tra, giám sát việc sử dụng kinh phí thực hiện Đề án.

2. Tiến độ triển khai một số công việc trọng tâm từ nay đến hết năm 2012:

- Quý 1 năm 2012: Tổ chức Hội nghị triển khai thực hiện Đề án 343 và 4 tiểu Đề án tới các cấp, các ngành trên địa bàn huyện.

+ Chuẩn bị tài liệu cho các lớp tập huấn, tài liệu tuyên truyền. Tham gia lớp tập huấn cho báo cáo viên, tuyên truyền viên cấp Thành phố; tổ chức tập huấn cho báo cáo viên và tuyên truyền viên cấp huyện.

- Quý 2 năm 2012: Xây dựng mô hình chỉ đạo điểm.

- Quý 3 năm 2012: Tổ chức các đợt tuyên truyền giáo dục phẩm chất đạo đức phụ nữ Việt Nam tại cơ sở.

- Tháng 10 năm 2012: Tổ chức kiểm tra đánh giá công tác triển khai, tổ chức thực hiện Đề án và các tiểu Đề án.

- Tháng 12 năm 2012: Tổ chức Hội nghị Sơ kết việc thực hiện Đề án và các tiểu Đề án nhằm đánh giá kết quả triển khai thực hiện Đề án và báo cáo Hội Liên hiệp Phụ nữ Thành phố.

3. Kinh phí thực hiện:

- Ngân sách Huyện bảo đảm kinh phí đối với các nội dung công việc do các cơ quan được phân công trong kế hoạch thực hiện.

- Nguồn kinh phí thực hiện Đề án và các tiểu Đề án được bố trí từ ngân sách hàng năm của địa phương.

- Các cơ quan được giao chủ trì và thực hiện các tiểu Đề án có trách nhiệm lập

dự toán kinh phí chi tiết của từng tiểu Đề án gửi về Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện (cơ quan Thường trực của Ban Chỉ đạo Đề án 343 huyện) để tổng hợp lập dự toán kinh phí thực hiện Đề án gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch thẩm định trình Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt làm căn cứ phân bổ kinh phí cho các đơn vị thực hiện các hoạt động nằm trong Đề án.

- Việc lập dự toán chi tiết hàng năm phải thực hiện đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước trên cơ sở các nội dung của Kế hoạch này.

- Khuyến khích việc huy động nguồn lực ngoài ngân sách và xã hội hóa các hoạt động tuyên truyền.

Trên đây là Kế hoạch triển khai Đề án “Tuyên truyền, giáo dục phẩm chất, đạo đức phụ nữ Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước (giai đoạn 2011 - 2015)” trên địa bàn huyện, đề nghị Thủ trưởng các phòng, ban, đơn vị huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn theo chức năng, nhiệm vụ được phân công có trách nhiệm xây dựng kế hoạch cụ thể, tổ chức triển khai thực hiện tốt các nội dung kế hoạch này và đảm bảo đúng tiến độ thời gian, đúng tiến độ thực hiện kế hoạch đã đề ra./.

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01/2012/CT-UBND

Củ Chi, ngày 01 tháng 3 năm 2012

CHỈ THỊ

Về việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ Quân sự - Quốc phòng năm 2012

Thực hiện Chỉ thị số 616/2011/CT-UB-M ngày 13 tháng 12 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về tổ chức thực hiện nhiệm vụ Quân sự - Quốc phòng năm 2012;

Thông tri số 11-TT/HU ngày 09 tháng 01 năm 2012 của Ban Thường vụ Huyện ủy Củ Chi về lãnh, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ Quân sự - Quốc phòng năm 2012 và kết quả thực hiện nhiệm vụ Quân sự - Quốc phòng năm 2011 của Huyện. Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi chỉ thị về thực hiện nhiệm vụ Quân sự - Quốc phòng năm 2012 như sau:

I. GIAO CHỈ HUY TRƯỞNG BAN CHỈ HUY QUÂN SỰ HUYỆN

- Hướng dẫn, kiểm tra việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ Quân sự - Quốc phòng năm 2012 của các ban, ngành, xã, thị trấn, bảo đảm kết hợp chặt chẽ các mặt quốc phòng, an ninh, kinh tế đối ngoại để phát triển kinh tế xã hội của Huyện. Quán triệt sâu sắc đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước, tiếp tục thực hiện chương trình hành động của Thành ủy. Thực hiện Nghị quyết Trung ương 8 khóa IX ngày 15 tháng 10 năm 2003 về chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, tham mưu cho Huyện ủy, Ủy ban nhân dân Huyện tiếp tục thực hiện chỉ thị 16/CT-TW ngày 05 tháng 10 năm 2002 của Ban Bí thư Trung ương Đảng và Chỉ thị số 12 của Thành ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với lực lượng Dân quân tự vệ và lực lượng dự bị động viên trong tình hình mới. Tiếp tục thực hiện tốt Pháp lệnh Lực lượng dự bị động viên, Luật Dân quân tự vệ.

- Tham mưu cho Ủy ban nhân dân Huyện tiếp tục triển khai thực hiện Luật Quốc phòng do Quốc hội khóa XI ban hành, tham mưu cho Hội đồng giáo dục quốc phòng Huyện tổ chức thực hiện công tác giáo dục quốc phòng và tham mưu cho Ban Chỉ đạo phòng không nhân dân Huyện hoạt động đúng quy chế, có hiệu quả. Tiếp tục tổ chức các lớp bồi dưỡng kiến thức quốc phòng cho cán bộ lãnh đạo theo chiều sinh của trên, phối hợp với các ban, ngành, Ủy ban nhân dân xã, thị trấn tiếp tục tuyển chọn nhân sự đào tạo Chỉ huy trưởng Quân sự xã, thị trấn theo Quyết định số 274/2003/QĐ-UB ngày

19 tháng 11 năm 2003 của Ủy ban nhân dân Thành phố. Thực hiện Chỉ thị số 62/CT-TW ngày 12 tháng 02 năm 2001 của Bộ Chính trị và Nghị định số 15/2001/NĐ-CP ngày 01 tháng 5 năm 2001 của Chính phủ về tăng cường công tác giáo dục quốc phòng toàn dân trong tình hình mới. Tổ chức hoạt động kỷ niệm lần thứ 77, ngày truyền thống lực lượng Dân quân tự vệ (28/3/1935 - 28/3/2012).

- Phối hợp cùng Công an Huyện bảo vệ an toàn các mục tiêu trọng yếu và tăng cường hoạt động nhằm giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Bảo vệ an toàn các ngày lễ, tết. Tiếp tục thực hiện tốt công tác phối hợp giữa Công an và Quân sự theo Nghị định số 77/2010/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 284/2003/TT-BQP ngày 26 tháng 11 năm 2003 của Bộ Quốc phòng về phối hợp hoạt động bảo vệ an ninh quốc gia và an ninh xã hội trong tình hình mới.

- Phối hợp với ban, ngành, các xã, thị trấn và các đơn vị đóng chân trên địa bàn Huyện xây dựng hệ thống kế hoạch (B) bảo đảm cho các phương án, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa (A), bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ an ninh chính trị (A2), bảo vệ vùng trời trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa (A3), phòng tránh, đánh trả địch tập kích hỏa lực (A4), triển khai phương án phòng không nhân dân.

- Đề xuất Ủy ban nhân dân Huyện giải quyết kinh phí để từng bước đổi mới trang bị, phương tiện kỹ thuật. Tiếp tục trang bị các công trình chiến đấu, các loại vũ khí, công cụ hỗ trợ, phương tiện chuyên dùng cho lực lượng làm nhiệm vụ phòng chống biểu tình, bạo loạn, phòng chống khủng bố, phòng chống khắc phục hậu quả thiên tai, sự cố nghiêm trọng v.v...

- Tham mưu cho Ủy ban nhân dân Huyện củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội đồng nghĩa vụ quân sự Huyện, xã, thị trấn. Phấn đấu hoàn thành 100% chỉ tiêu tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ năm 2012, nâng cao chất lượng tuyển quân, bảo đảm tỷ lệ Đảng viên nhập ngũ từ 2% trở lên trong tổng số giao quân, mỗi xã, thị trấn tuyển chọn 02 thanh niên đủ điều kiện đào tạo để phục vụ lâu dài trong Quân đội. Tổ chức xét nghiệm HIV và ma túy cho 100% thanh niên trúng tuyển nghĩa vụ quân sự trước khi giao quân. Huấn luyện và sẵn sàng chiến đấu quân nhân dự bị năm 2012 theo Quyết định số 1242/QĐ-TTg ngày 22 tháng 11 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ.

- Tiếp tục xây dựng cơ quan Quân sự Huyện và các xã, thị trấn vững mạnh toàn diện theo Chỉ thị số 917/1999/CT-QP ngày 22 tháng 6 năm 1999 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và Chỉ thị số 333/CT-TL của Tư lệnh Quân khu 7. Tổ chức huấn luyện lực lượng vũ trang Huyện sát với đối tượng tác chiến và địa bàn hoạt động, phù hợp

với vũ khí, trang bị. Tổ chức hội thi, hội thao từ Huyện đến Thành phố, phần đấu nâng thứ hạng cao hơn năm 2011.

II. GIAO THỦ TRƯỞNG CÁC CƠ QUAN, BAN, NGÀNH HUYỆN

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của ban, ngành mình có trách nhiệm để phối hợp với Ban Chỉ huy Quân sự Huyện tiếp tục xây dựng khu vực phòng thủ Huyện, đẩy mạnh công tác tổ chức thực hiện các văn bản chỉ đạo của Đảng và Nhà nước về nhiệm vụ Quốc phòng. Cử cán bộ thuộc quyền đi học các lớp bồi dưỡng kiến thức quốc phòng tại trường Quân sự Quân khu 7 và trường Quân sự Thành phố theo kế hoạch chiêu sinh.

- Phối hợp với Ban Chỉ huy Quân sự Huyện tiếp tục điều chỉnh, xây dựng thực hiện các phương án phòng thủ và thống nhất trong việc huy hoạch, xây dựng kế hoạch, thông qua các dự án đầu tư của huyện theo hướng kết hợp kinh tế với quốc phòng. Tổ chức diễn tập theo kế hoạch của Ban Chỉ huy Quân sự Huyện và Công an Huyện.

- Các trường Trung học phổ thông trên địa bàn Huyện, Trung tâm giáo dục thường xuyên Huyện, trường Trung cấp nghề Củ Chi phối hợp với Ban Chỉ huy Quân sự Huyện có kế hoạch huấn luyện chương trình giáo dục quốc phòng.

- Công an Huyện phối hợp với Ban Chỉ huy Quân sự Huyện tổ chức cho các ban, ngành, các xã, thị trấn diễn tập kiểm tra phương án phòng chống biểu tình, bạo loạn, khủng bố theo Nghị định số 77/2010/NĐ-CP của Chính phủ và diễn tập phòng chống khắc phục hậu quả thiên tai, sự cố nghiêm trọng v.v... Đồng thời sẵn sàng tham gia diễn tập kiểm tra phương án phòng thủ do Bộ Tư lệnh Thành phố và Bộ Tư lệnh Quân khu 7 tổ chức.

- Phòng Tài chính - Kế hoạch Huyện, Phòng Công Thương Huyện, Phòng Tài nguyên - Môi trường Huyện phối hợp với Ban Chỉ huy Quân sự Huyện tiến hành khảo sát, lập dự án các công trình quốc phòng phù hợp với quy hoạch lâu dài của Huyện.

- Phòng Tài chính - Kế hoạch Huyện phối hợp với Ban Chỉ huy Quân sự Huyện đề xuất chỉ tiêu ngân sách quốc phòng của Huyện năm 2012 trình Ủy ban nhân dân Huyện phê duyệt kinh phí bảo đảm cho các công trình xây dựng có liên quan đến nhiệm vụ phòng thủ bảo vệ Huyện. Trang bị các công trình chiến đấu, các loại vũ khí, công cụ hỗ trợ, phương tiện chuyên dùng cho các lực lượng làm nhiệm vụ phòng chống biểu tình, bạo loạn, khủng bố, phòng chống khắc phục hậu quả thiên tai sự cố nghiêm trọng v.v... cho các hoạt động huấn luyện, diễn tập, hội thi, hội thao của lực lượng Dân quân tự vệ và lực lượng dự bị động viên.

III. GIAO CHỦ TỊCH CÁC XÃ, THỊ TRẤN

- Thực hiện nghiêm túc theo sự hướng dẫn của Ban Chỉ huy Quân sự Huyện về

tổ chức thực hiện nhiệm vụ Quân sự - Quốc phòng năm 2012. Trên cơ sở tổ chức thực hiện các văn bản chỉ đạo của Nhà nước về nhiệm vụ công tác quốc phòng tại địa phương theo các nội dung chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Huyện.

- Phối hợp với Ban Chỉ huy Quân sự Huyện tiến hành khảo sát lập dự án và xây dựng, củng cố các công trình quốc phòng, vị trí chỉ huy các xã, thị trấn theo kế hoạch phòng thủ và phù hợp với quy hoạch phát triển lâu dài của Huyện.

- Thường xuyên quan tâm chăm lo cho lực lượng Dân quân tự vệ của xã và tổ chức xây dựng lực lượng Dân quân theo chỉ tiêu được giao, bảo đảm số lượng và chất lượng.

- Tổ chức thực hiện diễn tập kiểm tra các phương án phòng chống biểu tình, bạo loạn, khủng bố và diễn tập phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai, sự cố nghiêm trọng v.v... theo kế hoạch của Công an Huyện và Ban Chỉ huy Quân sự Huyện, đồng thời sẵn sàng tham gia diễn tập kiểm tra phương án phòng thủ do Bộ Tư lệnh Thành phố và Bộ Tư lệnh Quân khu 7 tổ chức.

- Tổ chức xây dựng kế hoạch huấn luyện hoạt động của các cơ quan Quân sự và lực lượng vũ trang các xã, thị trấn theo kế hoạch của Ban Chỉ huy Quân sự Huyện. Đồng thời, tiếp tục tăng cường khả năng sẵn sàng chiến đấu của lực lượng vũ trang, khả năng phòng thủ địa phương nhằm đáp ứng nhiệm vụ giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn, sẵn sàng nhận và hoàn thành nhiệm vụ trong mọi tình huống.

- Thực hiện tốt chính sách hậu phương Quân đội, tập trung giải quyết dứt điểm những tồn đọng về chính sách sau chiến tranh. Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, phong trào toàn dân chăm sóc thương binh, liệt sỹ, gia đình quân nhân, bà mẹ Việt Nam anh hùng, những người có công với cách mạng...

- Tăng cường quản lý và sử dụng có hiệu quả quỹ an ninh quốc phòng, góp phần bảo đảm nhu cầu nhiệm vụ quốc phòng, an ninh ở địa phương đúng chính sách, pháp luật Nhà nước và Quyết định số 96/QĐ-UB ngày 30 tháng 10 năm 2001 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Ủy ban nhân dân Huyện Củ Chi yêu cầu Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể, các cơ quan, đơn vị có liên quan, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn quán triệt thực hiện nghiêm túc Chỉ thị này và báo cáo kết quả theo định kỳ hàng tháng, quý cho Thường trực Ủy ban nhân dân Huyện./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Minh Tấn

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 03/2012/QĐ-UBND

Củ Chi, ngày 19 tháng 4 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp huyện Củ Chi

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 44/2008/QĐ-BGDĐT ngày 30 tháng 7 năm 2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 4625/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc cho phép đổi tên Trung tâm kỹ thuật hướng nghiệp - Dạy nghề huyện Củ Chi thành Trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp huyện Củ Chi;

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp huyện Củ Chi tại Công văn số 03/KTTH-HN ngày 13 tháng 02 năm 2012 về việc đề nghị ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp huyện Củ Chi;

Xét Công văn số 56/TP ngày 22 tháng 02 năm 2012 của Trưởng Phòng Tư pháp huyện về việc thẩm định và góp ý dự thảo Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp huyện;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Nội vụ huyện tại Tờ trình số 278/TTr-PNV ngày 16 tháng 4 năm 2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp huyện Củ Chi.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 07 (bảy) ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng Phòng Nội vụ huyện, Giám đốc Trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp huyện, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Minh Tấn

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của Trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp huyện Cử Chi

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 03/2012/QĐ-UBND
ngày 19 tháng 4 năm 2012 của Ủy ban nhân dân huyện Cử Chi)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Vị trí

1. Trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp huyện là cơ sở giáo dục phổ thông của hệ thống giáo dục quốc dân thuộc Ủy ban nhân dân huyện Cử Chi, chịu sự hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Giáo dục và Đào tạo.
2. Trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp huyện có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng và mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước theo quy định.

Điều 2. Nhiệm vụ của Trung tâm

1. Dạy công nghệ, kỹ thuật, dạy nghề phổ thông và tư vấn hướng nghiệp cho học sinh học chương trình giáo dục phổ thông theo chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
2. Bồi dưỡng giáo viên các trường trung học cơ sở (THCS), trung học phổ thông (THPT) về giáo dục kỹ thuật tổng hợp, hướng nghiệp.
3. Tổ chức lao động sản xuất và dịch vụ kỹ thuật phục vụ giáo dục, đào tạo, góp phần phân luồng học sinh sau THCS và THPT.
4. Nghiên cứu ứng dụng các đề tài khoa học về giáo dục kỹ thuật tổng hợp, hướng nghiệp, dạy nghề cho học sinh phổ thông, thử nghiệm, ứng dụng và chuyển giao công nghệ mới phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.
5. Mở lớp dạy nghề; liên kết với các cơ sở giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân để đào tạo và tư vấn hướng nghiệp cho học sinh, thanh thiếu niên và các đối tượng khác khi có nhu cầu.

6. Trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp huyện được phép liên kết với Trung tâm Giáo dục thường xuyên, Trung tâm Dạy nghề trên địa bàn và các cơ sở giáo dục khác để thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên, hướng nghiệp và dạy nghề theo quy định.

Chương II **CƠ CẤU TỔ CHỨC**

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

1. Trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp huyện có 01 Giám đốc, 01 hoặc 02 Phó Giám đốc; Giám đốc và Phó Giám đốc do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện bổ nhiệm.

2. Trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp huyện gồm các tổ: Tổ Hành chính - quản trị, tổ chuyên môn; mỗi tổ có một Tổ trưởng, một Tổ phó do Giám đốc Trung tâm bổ nhiệm. Giám đốc Trung tâm quyết định thành lập các tổ và giao nhiệm vụ cụ thể cho từng tổ.

Điều 4. Giám đốc Trung tâm

1. Giám đốc Trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp huyện là người trực tiếp quản lý, điều hành và chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý cấp trên về hoạt động của Trung tâm.

2. Giám đốc Trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp huyện là người có phẩm chất chính trị và đạo đức tốt, có năng lực quản lý, tốt nghiệp đại học và đã công tác trong ngành giáo dục ít nhất 5 năm.

3. Giám đốc Trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp huyện được bổ nhiệm và bổ nhiệm lại theo nhiệm kỳ; mỗi nhiệm kỳ là 5 năm.

4. Nhiệm vụ:

a) Lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và giám sát đánh giá việc thực hiện kế hoạch nhằm hoàn thành các nhiệm vụ của Trung tâm.

b) Quản lý cơ sở vật chất và các tài sản của Trung tâm.

c) Quản lý nhân viên, giáo viên và học viên của Trung tâm.

d) Bổ nhiệm các tổ trưởng, tổ phó; thành lập các tổ chuyên môn, nghiệp vụ.

đ) Quản lý tài chính, quyết định thu chi và phân phối các thành quả lao động, thực hành kỹ thuật, dịch vụ theo quy định.

e) Thực hiện quy chế dân chủ trong Trung tâm; các chính sách, chế độ của Nhà nước đối với cán bộ, giáo viên và người học trong Trung tâm.

g) Thực hiện đầy đủ và kịp thời chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất theo quy định của pháp luật.

h) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định.

5. Quyền hạn của Giám đốc:

a) Là chủ tài khoản của Trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp huyện; được quyết định các biện pháp để thực hiện những nhiệm vụ và quyền hạn của Trung tâm theo quy định.

b) Được bổ nhiệm các Tổ trưởng, Tổ phó; thành lập các Tổ chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Trung tâm theo quy định.

c) Ký học bạ, các giấy chứng nhận trình độ học lực và kỹ thuật, nghề nghiệp, chứng chỉ nghề cho học sinh học tại Trung tâm theo ủy quyền của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo và quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

d) Giao kết hợp đồng với người học và các đối tượng khác theo quy định của pháp luật.

đ) Ký hợp đồng liên kết với Trung tâm Giáo dục thường xuyên, Trung tâm Dạy nghề và các cơ sở giáo dục khác để thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên, hướng nghiệp và dạy nghề theo quy định.

e) Quyết định việc khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên và người học trong phạm vi thẩm quyền được phân cấp quản lý.

g) Đề xuất với các cơ quan cấp trên hoặc Ủy ban nhân dân huyện về các chủ trương, biện pháp có liên quan đến hoạt động của Trung tâm, sử dụng các nguồn vốn tự có dành cho việc phát triển cơ sở vật chất, mua sắm, chuyển đổi trang thiết bị cho phù hợp và cải thiện đời sống cho cán bộ, giáo viên, nhân viên công tác tại Trung tâm theo quy định.

h) Được hưởng các chế độ theo quy định.

Điều 5. Phó Giám đốc Trung tâm

1. Phó Giám đốc Trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp huyện là người giúp việc cho Giám đốc, có phẩm chất chính trị và đạo đức tốt, có năng lực quản lý, tốt nghiệp đại học, đã công tác trong ngành giáo dục ít nhất 5 năm.

2. Phó Giám đốc Trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp huyện được bổ nhiệm và bổ nhiệm lại theo nhiệm kỳ; mỗi nhiệm kỳ là 5 năm.

3. Phó Giám đốc Trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp huyện có những nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

a) Thực hiện và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về những việc được phân công;

b) Chịu trách nhiệm trước cấp trên về các hoạt động có liên quan của Trung tâm;

c) Thay mặt Giám đốc điều hành hoạt động của Trung tâm khi được Giám đốc uỷ quyền;

d) Thực hiện các nghĩa vụ và hưởng các quyền theo quy định của pháp luật.

đ) Được hưởng các chế độ theo quy định.

Điều 6. Tổ Hành chính - quản trị

Tổ Hành chính - quản trị có nhiệm vụ sau:

1. Xây dựng kế hoạch và thời khóa biểu cho các lớp, các trường phổ thông; theo dõi thực hiện chương trình giáo dục; tổng hợp số liệu; viết báo cáo về các hoạt động giáo dục.

2. Thực hiện các công việc về tài vụ, hành chính, quản trị và các công việc khác, phục vụ cho hoạt động giáo dục và các hoạt động khác của Trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp huyện.

3. Tổ Hành chính - quản trị sinh hoạt mỗi tháng một lần.

Điều 7. Tổ chuyên môn

Tổ chuyên môn có nhiệm vụ sau:

1. Thực hiện việc giảng dạy theo đúng phân phối chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố.

2. Thực hiện nghiêm túc các quy định theo quy chế chuyên môn. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra đến cơ sở đối với giáo viên dạy hướng nghiệp và nghề phổ thông.

3. Đổi mới phương pháp giảng dạy, nhằm nâng cao chất lượng dạy và học, gắn đổi mới phương pháp dạy và học với việc ứng dụng công nghệ thông tin, khuyến khích và tạo điều kiện sử dụng các phương pháp dạy học hiện đại phục vụ cho giảng dạy và học tập.

4. Đổi mới hình thức tổ chức thao giảng, các hội thi, các sinh hoạt chuyên đề thiết thực nhằm góp phần nâng cao chất lượng chuyên môn (Giáo dục nghề phổ thông và giáo dục hướng nghiệp).

5. Phát huy vai trò hoạt động của Hội đồng bộ môn nghề phổ thông trong các hoạt động chuyên môn. củng cố nhân sự của Hội đồng bộ môn nghề phổ thông, phát huy vai trò các thành viên trong Hội đồng bộ môn, giáo viên Trung tâm trong các hoạt động chuyên môn.

6. Tổ chức thi nghề phổ thông (cấp THCS) cho học sinh các trường THCS trên địa bàn huyện theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố.

7. Tham mưu và kết hợp cùng Ban Giám đốc Trung tâm tổ chức cho giáo viên dạy nghề phổ thông và giáo viên phụ trách sinh hoạt hướng nghiệp tổ chức các hoạt động ngoại khóa, học tập thực địa các cơ sở sản xuất, làng nghề, khu công nghiệp kỹ thuật cao... tại huyện Củ Chi và các quận, huyện trên địa bàn Thành phố và các tỉnh thành.

Điều 8. Hội đồng khoa học, hội đồng thi đua khen thưởng, kỷ luật của Trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp huyện

Căn cứ vào yêu cầu của công tác điều hành, Giám đốc Trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp huyện thành lập các hội đồng khoa học, hội đồng thi đua, khen thưởng, kỷ luật. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, thành phần, chế độ làm việc và thời gian hoạt động của các hội đồng này do Giám đốc Trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp huyện quy định.

Điều 9. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và đoàn thể trong Trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp huyện

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp huyện hoạt động theo quy định của Điều lệ Đảng, thực hiện các nghị quyết, quyết định của tổ chức Đảng cấp trên, lãnh đạo Trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp huyện.

2. Các đoàn thể, tổ chức xã hội trong Trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp huyện hoạt động theo quy định của pháp luật và có trách nhiệm thực hiện mục tiêu, nguyên lý giáo dục, hoạt động phù hợp với tôn chỉ, mục đích, chức năng, nhiệm vụ của đoàn thể, tổ chức xã hội.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC
TẠI TRUNG TÂM KỸ THUẬT TỔNG HỢP - HƯỚNG NGHIỆP

Điều 10. Kế hoạch giáo dục

1. Trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp huyện thực hiện chương trình giáo dục kỹ thuật và hướng nghiệp do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

2. Căn cứ vào chương trình giáo dục và kế hoạch năm học, Trung tâm xây dựng kế hoạch và thời khóa biểu để điều hành hoạt động dạy học.

Điều 11. Tổ chức lớp học

Học sinh học tập tại Trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp huyện được tổ chức theo lớp học, mỗi lớp học được chia thành nhiều tổ học sinh. Mỗi lớp học có một giáo viên chủ nhiệm; có lớp trưởng, một hoặc hai lớp phó; tổ trưởng, một hoặc hai tổ phó. Lớp trưởng và lớp phó do tập thể lớp bầu ra; tổ trưởng, tổ phó do tổ bầu ra vào đầu mỗi năm học.

Điều 12. Sách giáo khoa và tài liệu học tập

Trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp huyện sử dụng sách giáo khoa và tài liệu học tập theo quy định về chương trình, giáo trình, sách giáo khoa của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các tài liệu học tập riêng cho địa phương do Sở Giáo dục và Đào tạo quy định.

Điều 13. Hệ thống sổ sách theo dõi hoạt động giáo dục

1. Đối với Trung tâm:

- a) Sổ kế hoạch và chương trình hoạt động;
- b) Sổ nghị quyết của Trung tâm;
- c) Sổ đăng bộ;
- d) Sổ gọi tên và ghi điểm;
- đ) Sổ ghi đầu bài;
- e) Sổ theo dõi quá trình học tập của học sinh tại Trung tâm;
- g) Sổ theo dõi cấp phát văn bằng, chứng chỉ;
- h) Sổ kiểm tra, đánh giá giáo viên về công tác chuyên môn;

- i) Sổ thi đua;
 - k) Sổ theo dõi các văn bản, công văn đi, đến; cặp lưu trữ văn bản, công văn;
 - l) Sổ quản lý tài sản, tài chính.
2. Đối với giáo viên:
- a) Sổ kế hoạch giảng dạy;
 - b) Giáo án;
 - c) Sổ dự giờ;
 - d) Sổ điểm cá nhân;
 - đ) Sổ giáo viên chủ nhiệm lớp;
 - e) Sổ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ.

Điều 14. Kiểm tra, đánh giá, xếp loại kết quả học tập

1. Trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp huyện tổ chức kiểm tra, đánh giá, xếp loại kết quả học tập và hạnh kiểm đối với học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Kết quả học tập của học sinh THCS, THPT học tại Trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp huyện được chuyển về trường phổ thông để làm cơ sở đánh giá học sinh.

Chương IV **GIÁO VIÊN TRUNG TÂM KỸ THUẬT** **TỔNG HỢP - HƯỚNG NGHIỆP**

Điều 15. Giáo viên của Trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp huyện

Giáo viên của Trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp huyện (sau đây gọi là giáo viên) là người làm nhiệm vụ giảng dạy, giáo dục tại Trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp huyện, tham gia giảng dạy các chương trình quy định tại Điều 2 của Quy chế này.

Điều 16. Nhiệm vụ của giáo viên

Giáo viên có những nhiệm vụ sau đây:

1. Thực hiện nhiệm vụ giảng dạy theo mục tiêu, nội dung, chương trình giáo dục, kế hoạch dạy học; quản lý học sinh theo sự phân công của Giám đốc Trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp huyện.

2. Rèn luyện đạo đức, bồi dưỡng chuyên môn và nghiệp vụ để nâng cao chất lượng và hiệu quả giảng dạy.

3. Thực hiện các quyết định của Giám đốc, các quy định của pháp luật và quy định của Quy chế này.

4. Giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự của nhà giáo; đoàn kết, giúp đỡ đồng nghiệp; gương mẫu trước học sinh, tôn trọng và đối xử công bằng với học sinh, bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của học sinh.

Điều 17. Quyền của giáo viên

Giáo viên Trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp huyện có những quyền sau đây:

1. Được Trung tâm tạo điều kiện để thực hiện nhiệm vụ được giao.

2. Được hưởng mọi quyền lợi theo quy định đối với nhà giáo.

3. Được trực tiếp hoặc thông qua tổ chức của mình tham gia quản lý Trung tâm.

4. Được tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học, lao động sản xuất, dịch vụ chuyển giao công nghệ do Trung tâm tổ chức.

5. Được dự các cuộc họp của hội đồng khen thưởng và hội đồng kỷ luật khi các hội đồng này giải quyết những vấn đề có liên quan đến học sinh của lớp mình được phân công, phụ trách.

6. Có định mức giờ dạy, định mức giờ làm công tác kiêm nhiệm như quy định đối với giáo viên cùng cấp học ở các cơ sở giáo dục phổ thông.

Điều 18. Trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên

Giáo viên của Trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp huyện tham gia giảng dạy các chương trình kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp để lấy văn bằng, chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân phải có trình độ đạt chuẩn như quy định đối với giáo viên dạy cùng cấp học của giáo dục phổ thông, cụ thể như sau:

1. Có bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm hoặc có bằng tốt nghiệp cao đẳng và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm đối với giáo viên dạy chương trình giáo dục cấp trung học cơ sở;

2. Có bằng tốt nghiệp đại học sư phạm hoặc có bằng tốt nghiệp đại học và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm đối với giáo viên dạy chương trình giáo dục cấp trung học phổ thông;

3. Có bằng tốt nghiệp trung cấp nghề, cao đẳng nghề hoặc là nghệ nhân, công nhân kỹ thuật có tay nghề cao đối với giáo viên hướng dẫn thực hành nghề nghiệp.

Điều 19. Hành vi, ngôn ngữ ứng xử, trang phục của giáo viên

1. Hành vi, ngôn ngữ ứng xử của giáo viên phải mẫu mực, có tác dụng giáo dục đối với học sinh.

2. Trang phục của giáo viên phải chỉnh tề, giản dị, phù hợp với hoạt động sư phạm.

Điều 20. Các hành vi giáo viên không được làm

1. Xuyên tạc nội dung giáo dục.

2. Xúc phạm danh dự, nhân phẩm, xâm phạm thân thể của học sinh.

3. Gian lận trong tuyển sinh, thi cử, cố ý đánh giá sai kết quả học tập, rèn luyện của học sinh, ép buộc học sinh học thêm để thu tiền.

Điều 21. Khen thưởng và kỷ luật

1. Giáo viên có thành tích sẽ được khen thưởng, được tặng danh hiệu thi đua và các danh hiệu cao quý khác theo quy định hiện hành.

2. Giáo viên vi phạm khuyết điểm thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý theo quy định hiện hành.

Chương V

HỌC SINH TRUNG TÂM KỸ THUẬT TỔNG HỢP - HƯỚNG NGHIỆP

Điều 22. Học sinh Trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp huyện

Học sinh Trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp huyện là người học đang theo học một hoặc nhiều chương trình của Trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp huyện.

Điều 23. Nhiệm vụ của học sinh

Học sinh có những nhiệm vụ sau đây:

1. Kính trọng thầy giáo, cô giáo, cán bộ quản lý, nhân viên của Trung tâm; thực hiện nội quy của Trung tâm và các quy định của Quy chế này.

2. Thực hiện đầy đủ các yêu cầu về học tập, lao động thực hành do Trung tâm đề ra.

3. Giữ gìn và bảo vệ tài sản của Trung tâm.
4. Góp phần xây dựng, bảo vệ và phát huy truyền thống của Trung tâm.
5. Đóng học phí đầy đủ và đúng hạn (đối với học sinh thuộc diện phải đóng học phí).

Điều 24. Quyền của học sinh

Học sinh có những quyền sau đây:

1. Được Trung tâm tôn trọng và đối xử bình đẳng, được cung cấp đầy đủ thông tin về việc học tập của mình.
2. Được chọn chương trình học, hình thức học, địa điểm học phù hợp với khả năng, điều kiện của bản thân và của Trung tâm; được tạo điều kiện chuyển đổi chương trình, hình thức và địa điểm học nếu có nguyện vọng và được nơi chuyển đến tiếp nhận.
3. Tham gia hoạt động của các đoàn thể, tổ chức xã hội trong Trung tâm theo quy định của pháp luật.
4. Trực tiếp hoặc thông qua đại diện hợp pháp để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mình, góp ý về nội dung, phương pháp giảng dạy, các hoạt động khác của Trung tâm.
5. Được hưởng một phần thành quả lao động sản xuất, thực hành kỹ thuật, các hoạt động khác mà mình tham gia; được xét cấp học bổng hoặc trợ cấp xã hội theo quy định của pháp luật.
6. Được dự kiểm tra đánh giá, thi và được cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 25. Hành vi, ngôn ngữ ứng xử, trang phục của học sinh

1. Hành vi, ngôn ngữ ứng xử của học sinh phải có văn hóa, phù hợp với đạo đức và lối sống trong môi trường giáo dục.
2. Trang phục của học sinh phải sạch sẽ, gọn gàng, thuận tiện cho việc học tập và sinh hoạt ở Trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp huyện.

Điều 26. Các hành vi học sinh không được làm

1. Xúc phạm nhân phẩm, danh dự, xâm phạm thân thể giáo viên, cán bộ, nhân viên Trung tâm và học sinh khác.
2. Gian lận trong học tập, kiểm tra, thi cử, tuyển sinh.

3. Hút thuốc, uống rượu, bia trong giờ học; gây rối an ninh, trật tự trong Trung tâm và nơi công cộng.

4. Đánh bạc; vận chuyển, tàng trữ, sử dụng ma túy, vũ khí, chất nổ, chất độc; lưu hành, sử dụng văn hóa phẩm độc hại, đồi trụy; tham gia vào các tệ nạn xã hội.

Điều 27. Khen thưởng và kỷ luật

1. Học sinh có thành tích trong học tập và rèn luyện được khen thưởng theo các hình thức sau đây:

a) Nhận danh hiệu học sinh tiên tiến, học sinh giỏi, học sinh xuất sắc và phần thưởng mỗi năm học;

b) Nhận giấy chứng nhận, giấy khen và phần thưởng nếu đạt kết quả trong các kỳ thi học sinh giỏi;

c) Nhận các hình thức khen thưởng khác theo quy định hiện hành.

2. Học sinh vi phạm khuyết điểm trong quá trình học tập và rèn luyện, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật theo các hình thức sau đây:

a) Khiển trách;

b) Cảnh cáo ghi học bạ, thông báo tới cơ quan cử đi học và gia đình;

c) Buộc thôi học.

Chương VI

CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ TÀI CHÍNH TRUNG TÂM KỸ THUẬT TỔNG HỢP - HƯỚNG NGHIỆP

Điều 28. Cơ sở vật chất

1. Trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp huyện phải có đủ các phòng học, phòng thí nghiệm, phòng học bộ môn, thư viện, phòng thực hành lao động sản xuất đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập.

2. Trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp huyện phải có các thiết bị dạy học, sách, tạp chí theo yêu cầu của việc thực hiện các chương trình dạy học tại Trung tâm, được quản lý, sử dụng có hiệu quả theo quy định.

Điều 29. Nguồn tài chính

Nguồn tài chính của Trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp huyện bao gồm:

1. Ngân sách nhà nước cấp.
2. Học phí, các khoản thu từ các hợp đồng đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, lao động sản xuất và các hoạt động khác.
3. Các nguồn thu tài chính hợp pháp khác.

Điều 30. Quản lý tài sản, tài chính

1. Việc quản lý tài sản của Trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp huyện phải tuân theo đúng các quy định của nhà nước. Mọi thành viên trong Trung tâm có trách nhiệm giữ gìn, bảo vệ tài sản của Trung tâm.
2. Việc quản lý thu, chi từ các nguồn tài chính của Trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp huyện phải tuân theo các quy định của nhà nước; chấp hành đầy đủ các chế độ kế toán, thống kê và báo cáo định kỳ theo quy định hiện hành.

Chương VII

QUAN HỆ GIỮA TRUNG TÂM KỸ THUẬT TỔNG HỢP - HƯỚNG NGHIỆP VỚI CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC KHÁC

Điều 31. Quan hệ giữa Trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp huyện với trường phổ thông và các cơ sở giáo dục khác

1. Trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp huyện phối hợp với trường THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học trong việc thực hiện nội dung giáo dục kỹ thuật, dạy nghề phổ thông và tư vấn hướng nghiệp.
2. Cử giáo viên tham gia giảng dạy tại các trường THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học ở địa phương nhằm thực hiện tốt chương trình giáo dục kỹ thuật, dạy nghề phổ thông và tư vấn hướng nghiệp.
3. Phối hợp, liên kết với Trung tâm Giáo dục thường xuyên, cơ sở dạy nghề để tổ chức các hoạt động đào tạo theo quy định tại Điều 2 của Quy chế này.

Điều 32. Quan hệ giữa Trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp huyện với chính quyền địa phương

Trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp huyện có trách nhiệm chủ động tham mưu cho các cấp chính quyền tại địa phương để thực hiện các chương trình giáo dục thường xuyên nhằm nâng cao trình độ văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước và người lao động trong mọi thành phần kinh tế; đáp

ứng nhu cầu học tập thường xuyên của cộng đồng; góp phần phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

Trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp huyện chịu sự quản lý của các cấp chính quyền địa phương theo quy định của pháp luật.

Điều 33. Quan hệ giữa Trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp huyện với các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội tại địa phương

1. Trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp huyện phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức nghề nghiệp và các tổ chức xã hội khác tại địa phương thực hiện các nội dung của các chương trình phối hợp hoạt động nhằm hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh được tham gia học tập và chuẩn bị cho học sinh ra trường tham gia vào đời sống xã hội ở địa phương.

2. Khuyến khích các tổ chức và cá nhân ủng hộ vật chất và tinh thần cho Trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp huyện.

Chương VIII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 34. Tổ chức thực hiện

1. Căn cứ Quy chế này, Giám đốc Trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp huyện có trách nhiệm cụ thể hóa chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị mình cho toàn thể cán bộ, giáo viên Trung tâm.

2. Giám đốc Trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp huyện chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện Quy chế này; đồng thời bố trí nhân sự để thực hiện nhiệm vụ được giao.

3. Trong quá trình thực hiện Quy chế này, nếu phát sinh những vấn đề vướng mắc, vượt quá thẩm quyền thì Giám đốc Trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp huyện đề xuất, kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện xem xét, giải quyết hoặc bổ sung, sửa đổi Quy chế này sau khi có sự trao đổi thống nhất với Phòng Nội vụ huyện./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Lê Minh Tấn

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 03/2012/CT-UBND

Củ Chi, ngày 14 tháng 6 năm 2012

CHỈ THỊ

Về việc xây dựng Ban Chỉ huy Quân sự xã - thị trấn vững mạnh toàn diện giai đoạn 2011 - 2015

Căn cứ Thông tri số 06-TT/TU ngày 15 tháng 8 năm 2011 của Thường vụ Thành ủy, Chỉ thị số 352/CT-BTL ngày 18 tháng 3 năm 2011 của Bộ Tư lệnh Quân khu 7;

Thực hiện Hướng dẫn số 1609/HD-BTM ngày 04 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tham mưu/Quân khu 7 và Kế hoạch số 57/KH-HU ngày 28 tháng 5 năm 2012 của Huyện ủy Củ Chi về việc xây dựng mô hình, tổ chức, huấn luyện, hoạt động và quản lý lực lượng dân quân tự vệ; xây dựng Ban Chỉ huy Quân sự xã - thị trấn vững mạnh toàn diện giai đoạn 2011 - 2015;

Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi chỉ thị về việc thực hiện xây dựng Ban Chỉ huy Quân sự xã - thị trấn vững mạnh toàn diện giai đoạn 2011 - 2015 như sau:

1. Giao Ban Chỉ huy Quân sự huyện:

Tham mưu cho Ủy ban nhân dân huyện xây dựng kế hoạch thực hiện xây dựng Ban Chỉ huy Quân sự các xã - thị trấn vững mạnh toàn diện giai đoạn 2011 - 2015 và trình Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt, tổ chức hội nghị triển khai và theo dõi các xã - thị trấn thực hiện, tham mưu cho Ủy ban nhân dân huyện tổ chức sơ kết rút kinh nghiệm hai năm xây dựng Ban Chỉ huy Quân sự xã - thị trấn vững mạnh toàn diện từ năm 2010 đến năm 2012.

Ưu tiên đầu tư về cán bộ, thời gian, trang bị vật chất thuộc ngành quân sự cấp, giúp các xã - thị trấn thực hiện, bảo đảm đúng, đủ nội dung, thời gian theo kế hoạch.

Phối hợp với các Phòng chức năng huyện: Phòng Nội vụ huyện, Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, Phòng Quản lý đô thị huyện, Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình huyện; tham mưu Ủy ban nhân dân huyện bố trí cán bộ, kinh phí xây dựng dự án... và triển khai thực hiện, bảo đảm đến cuối năm 2015 tất cả Ban Chỉ huy Quân sự xã - thị trấn trên địa bàn huyện đều đạt đơn vị vững mạnh toàn diện.

2. Thủ trưởng các phòng ban, huyện có liên quan:

Phòng Nội vụ huyện, Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, Phòng Quản lý đô thị huyện, Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình huyện. Trên cơ sở chức trách, nhiệm vụ của từng ngành kịp thời tham mưu cho Ủy ban nhân dân huyện để chỉ đạo các xã - thị trấn tổ chức thực hiện theo kế hoạch hướng dẫn của cấp trên.

3. Chủ tịch UBND các xã - thị trấn:

Trên cơ sở kế hoạch của huyện, Ủy ban nhân dân các xã - thị trấn tổ chức khảo sát thực trạng tình hình địa phương và chỉ đạo Ban Chỉ huy Quân sự các xã - thị trấn tham mưu xây dựng theo kế hoạch xây dựng Ban Chỉ huy Quân sự xã - thị trấn vững mạnh toàn diện, triển khai thực hiện bảo đảm đúng, đủ nội dung và thời gian quy định.

Các xã chưa xây dựng mới về nhà ở cho dân quân thường trực, phòng làm việc cho Ban Chỉ huy Quân sự gồm: (Ban Chỉ huy Quân sự xã Thái Mỹ, Phước Vĩnh An, An Nhơn Tây, Phú Mỹ Hưng, Nhuận Đức) tiếp tục làm tham mưu để huyện xây dựng mới. Các xã xây dựng mới tiếp tục chỉnh trang bố trí nhà ăn, nhà nghỉ cho lực lượng dân quân thường trực xã, nơi làm việc của Ban Chỉ huy Quân sự có khoa học và chăm sóc cảnh quan môi trường xanh - sạch - đẹp đúng quy định.

Chỉ đạo các ngành có liên quan phối hợp với Ban Chỉ huy Quân sự các xã - thị trấn tham mưu cho Ủy ban nhân dân xã - thị trấn tổ chức củng cố Ban Chỉ huy Quân sự và các thành phần lực lượng dân quân đúng, đủ biên chế.

Trong thành phần lực lượng dân quân của từng xã - thị trấn phải xây dựng mới lực lượng dân quân nữ thích hợp, không dưới 20 đồng chí được huấn luyện đủ nội dung, thời gian theo chương trình huấn luyện của lực lượng dân quân, sẵn sàng làm nhiệm vụ theo kế hoạch của từng địa phương và của huyện khi được huy động.

Hàng tháng tổ chức họp rút kinh nghiệm kịp thời báo cáo đề xuất với lãnh đạo huyện về những nội dung, công việc còn khó khăn, vướng mắc ở địa phương bao gồm cả về công tác nhân sự kinh phí và những nội dung khác có liên quan.

Ủy ban nhân dân huyện yêu cầu Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể, các cơ quan, đơn vị có liên quan, Ủy ban nhân dân các xã - thị trấn quán triệt thực hiện nghiêm túc chỉ thị này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Minh Tấn

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 05/2012/CT-UBND

Củ Chi, ngày 19 tháng 6 năm 2012

CHỈ THỊ

Về tăng cường lãnh đạo công tác đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, đấu tranh có hiệu quả với các loại tội phạm, tệ nạn xã hội, phòng ngừa và kéo giảm kéo giảm tai nạn giao thông trên địa bàn huyện

Trong những năm qua, cùng với quá trình đầu tư, xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội, Huyện Củ Chi luôn quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo công tác đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Các cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các ngành, đoàn thể, nhân dân đã tích cực tham gia công tác bảo vệ an ninh trật tự, đấu tranh với các loại tội phạm và tệ nạn xã hội, từng bước kéo giảm tai nạn giao thông, xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc sâu rộng, góp phần giữ vững an ninh trật tự ở địa phương.

Trong 6 tháng đầu năm 2012, tình hình an ninh chính trị trên địa bàn tiếp tục được giữ vững ổn định; phạm pháp hình sự được kéo giảm 2,7%, tỷ lệ điều tra khám phá án chung đạt 70,83%; tai nạn giao thông từ ít nghiêm trọng trở lên giảm 48,8%, tỷ lệ người chết do tai nạn giao thông giảm 50%. Tuy nhiên, những kết quả đạt được chưa thật sự vững chắc; thời gian gần đây, hoạt động của các loại tội phạm, tệ nạn xã hội có dấu hiệu phức tạp, đáng chú ý là tội phạm băng nhóm, sử dụng hung khí gây thương tích, tội phạm gây án cướp, cướp giật, trộm cắp tài sản; các hoạt động kinh doanh biến tướng làm phát sinh các tệ nạn xã hội đang có chiều hướng gia tăng, làm ảnh hưởng đến thuần phong mỹ tục, gây ra những bức xúc trong dư luận nhân dân.

Để tăng cường công tác đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn, đấu tranh có hiệu quả với các loại tội phạm, tệ nạn xã hội, phòng ngừa và kéo giảm tai nạn giao thông trên địa bàn; Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi yêu cầu:

1. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Thủ trưởng các ngành, đoàn thể huyện và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn:

- Quán triệt cho đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức của đơn vị mình nắm chắc nội dung Chương trình hành động số 08-CTr/HU ngày 18 tháng 01 năm 2011 của

Huyện ủy về thực hiện kết luận số 86-KL/TW của Bộ Chính trị về tăng cường lãnh đạo công tác đảm bảo an ninh quốc gia trong tình hình mới; Chương trình hành động số 09-CTr/HU ngày 18 tháng 01 năm 2011 của Huyện ủy về thực hiện Chỉ thị số 48-CT/TW của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới; Nghị quyết số 06-NQ/HU ngày 22 tháng 12 năm 2010 của Huyện ủy về tăng cường công tác phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội và kéo giảm tai nạn giao thông trên địa bàn. Từng đơn vị phải có chương trình, kế hoạch công tác phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình và tình hình thực tế ở địa phương để triển khai thực hiện có hiệu quả các văn bản chỉ đạo của Huyện ủy.

- Thường xuyên tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên và nhân dân về phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; chấp hành pháp luật về trật tự an toàn giao thông. Nâng cao hiệu quả thực hiện các kế hoạch liên tịch giữa Công an với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể; quan tâm quản lý, giáo dục và chủ động phòng ngừa, kéo giảm tội phạm trong lứa tuổi thanh thiếu niên, sinh viên, học sinh. Phối hợp thực hiện tốt công tác giáo dục, cảm hóa người phạm tội tại gia đình và cộng đồng dân cư; giúp đỡ, hỗ trợ người phạm tội được đặc xá, những người lầm lỗi đã cải tạo tốt sớm ổn định cuộc sống, tái hòa nhập với cộng đồng.

- Thực hiện tốt công tác bảo đảm an ninh trật tự và an toàn cơ quan, đơn vị mình, không để xảy ra các hoạt động tội phạm.

- Tập trung củng cố, xây dựng và nhân rộng các mô hình phòng, chống tội phạm, mô hình tự quản về an ninh trật tự hoạt động có hiệu quả trong thời gian qua; kịp thời khen thưởng những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác phòng chống tội phạm để làm động lực xây dựng và phát triển sâu rộng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc ở địa phương.

2. Đảng ủy - Ban Chỉ huy Công an huyện:

- Tăng cường công tác nắm tình hình, kịp thời tham mưu Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo giải quyết ổn định những vấn đề nổi lên trên địa bàn, không để phát sinh phức tạp; nhất là tình hình khiếu kiện liên quan công tác đền bù, giải tỏa thu hồi đất, ô nhiễm môi trường, đình, lãn công trong công nhân; chú ý những vụ đã giải quyết xong nhưng người dân chưa đồng tình, tiếp tục khiếu nại.

- Rà soát xác định tuyến, địa bàn, các loại tội phạm nổi lên trong thời gian gần đây (tội phạm băng nhóm, sử dụng hung khí gây thương tích, cướp, cướp giết, trộm cắp, đặc biệt là trộm cắp xe gắn máy, dây điện) để tập trung các biện pháp phòng ngừa, đấu tranh; chú ý số đối tượng từ nơi khác đến địa bàn huyện gây án. Phấn đấu

hàng năm kéo giảm từ 7 đến 10% số vụ phạm pháp hình sự, tỷ lệ điều tra khám phá án đạt từ 68 đến 72% (trọng án đạt 90% trở lên); giải quyết hiệu quả tình hình tệ nạn xã hội trên địa bàn (mại dâm, cá độ bóng đá, đá gà, đánh bạc, số đề). Trước mắt, tham mưu Ủy ban nhân dân huyện xây dựng kế hoạch chuyển hóa địa bàn xã Tân Thông Hội và Ấp 12, xã Tân Thạnh Đông về tội phạm hình sự, ma túy, tệ nạn xã hội; kế hoạch chuyên đề về phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm trộm cắp dây điện.

- Phối hợp các ngành, đoàn thể tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 03-CT/HU ngày 11 tháng 01 năm 2012 của Huyện ủy về tăng cường lãnh đạo công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông trên địa bàn huyện; Kế hoạch số 165/KH-UBND ngày 11 tháng 01 năm 2012 của Ủy ban nhân dân huyện về thực hiện “Năm An toàn giao thông - 2012” và Kế hoạch số 166/KH-UBND ngày 11 tháng 01 năm 2012 của Ủy ban nhân dân huyện về triển khai thực hiện các giải pháp cấp bách bảo đảm trật tự an toàn giao thông trên địa bàn huyện. Tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục pháp luật, kiểm tra xử lý các hành vi vi phạm và kiểm điểm giáo dục đối tượng vi phạm trật tự an toàn giao thông theo Thông tư số 38/2010/TT-BCA ngày 12 tháng 10 năm 2010 của Bộ Công an quy định việc thông báo người có hành vi vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông. Phần đầu kéo giảm từ 10 đến 15% tai nạn giao thông trên cả 3 mặt (số vụ, số người chết, số người bị thương), không để xảy ra tình trạng đua xe trái phép, chạy xe gây rối trật tự công cộng.

- Tham mưu Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện có chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 09-CT/TW ngày 01 tháng 12 năm 2011 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trong tình hình mới. Phần đầu đến năm 2015 xây dựng 70% xã, thị trấn có phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc đạt loại khá; có 144/178 ấp, khu phố không có tội phạm ẩn náu hoạt động hoặc có tội phạm bị phát hiện nhanh, ngăn chặn kịp thời; 80% tổ dân phố, tổ nhân dân đạt loại khá trở lên. Đến năm 2020 không còn xã, thị trấn có phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc yếu.

- Phối hợp Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân, Chi Cục Thi hành án dân sự huyện nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án, xử lý nghiêm các hành vi phạm tội, tránh oan sai và bỏ lọt tội phạm; kịp thời đưa xét xử lưu động các loại tội phạm gây án nghiêm trọng để răn đe, giáo dục và nâng cao cảnh giác, ý thức trách nhiệm đấu tranh phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội trong nhân dân.

3. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn:

- Phối hợp các ngành chức năng thực hiện tốt công tác quản lý Nhà nước về an

ninh trật tự, nhất là quản lý lưu trú, ngành nghề kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự; kịp thời phát hiện, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật, tạo môi trường xã hội lành mạnh ở địa phương.

- Mỗi xã, thị trấn chọn từ 1 đến 2 ấp, khu phố có tình hình an ninh trật tự phức tạp để xây dựng kế hoạch, huy động lực lượng triển khai các biện pháp đấu tranh, chuyển hóa, làm trong sạch địa bàn; phân đấu từng hộ gia đình không để sơ hở để tội phạm hoạt động và giáo dục không để người thân trong gia đình vi phạm pháp luật. Thực hiện từ nay đến cuối năm 2012 có sơ kết đánh giá báo cáo Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện (qua Công an huyện).

- Tiếp tục chỉ đạo lực lượng Công an xã, thị trấn phối hợp với các ngành đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, củng cố phát triển các mô hình tự quản về an ninh trật tự ở địa phương.

- Xem xét trích một phần kinh phí từ ngân sách địa phương, hỗ trợ Ban Chỉ đạo Phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội, Tổ kiểm tra liên ngành văn hóa xã hội địa phương hoạt động có hiệu quả.

4. Đề nghị Huyện ủy có văn bản phân công các đồng chí trong Ban Thường vụ Huyện ủy, Ban Chỉ huy Công an, Quân sự huyện trực tiếp kiểm tra việc triển khai thực hiện Chương trình hành động số 08, 09 và Nghị quyết số 06 của Huyện ủy đối với cấp ủy, chính quyền các xã, thị trấn để kịp thời chấn chỉnh những mặt còn hạn chế. Quá trình kiểm tra mời các thành viên Ban Chỉ đạo Phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội huyện cùng tham dự.

5. Định kỳ hàng năm, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các ngành, đoàn thể huyện, các xã, thị trấn tổ chức sơ kết việc triển khai thực hiện Chương trình hành động số 08-CTr/HU ngày 18 tháng 01 năm 2011 của Huyện ủy về thực hiện Kết luận số 86-KL/TW của Bộ Chính trị về tăng cường lãnh đạo công tác đảm bảo an ninh quốc gia trong tình hình mới; Chương trình hành động số 09-CTr/HU ngày 18 tháng 01 năm 2011 của Huyện ủy về thực hiện Chỉ thị số 48-CT/TW của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới; Nghị quyết số 06-NQ/HU ngày 22 tháng 12 năm 2010 của Huyện ủy về tăng cường công tác phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội và kéo giảm tai nạn giao thông trên địa bàn.

- Cuối năm 2012, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các ngành, đoàn thể huyện, các xã, thị trấn tổ chức sơ kết 02 năm triển khai thực hiện Chương trình hành động số 08, 09 và Nghị quyết số 06 của Huyện ủy.

- Giao Đảng ủy - Ban Chỉ huy Công an huyện tham mưu Huyện ủy hướng dẫn các đơn vị sơ kết và tổng hợp thành báo cáo chung trình Thường trực Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Minh Tấn

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 06/2012/CT-UBND

Củ Chi, ngày 21 tháng 6 năm 2012

CHỈ THỊ

Về thực hiện Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ Quốc tế ở Campuchia, giúp bạn Lào đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc sau ngày 30/04/1975

Thực hiện Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tri số 17-TT/TU ngày 04 tháng 5 năm 2012 của Thường vụ Thành ủy; Chỉ thị số 16/2012/CT-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố; Thông tri số 15-TT/HU ngày 20 tháng 6 năm 2012 của Thường vụ Huyện ủy về lãnh đạo thực hiện Thông báo số 24-TB/TW ngày 05 tháng 5 năm 2011 của Bộ Chính trị về chế độ chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ Quốc tế ở Campuchia, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc. Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi chỉ thị:

1. Giao trách nhiệm cho lãnh đạo các ban, ngành, Ban Chỉ huy Quân sự huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã - thị trấn tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện kịp thời Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2011 của Thủ tướng; Thông tư liên tịch số 01/2012/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 05 tháng 01 năm 2012 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về chế độ chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ Quốc tế ở Campuchia, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc theo quy định.

2. Ủy ban nhân dân huyện thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ (gọi tắt là Ban Chỉ đạo 24 - huyện) thành lập theo đúng chỉ đạo và hướng dẫn của cấp trên, chủ động phối hợp tham mưu cho Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo, kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện Quyết định số

62/2011/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, đảm bảo đúng thời gian quy định, Ủy ban nhân dân xã - thị trấn chỉ đạo kiện toàn Hội đồng chính sách cấp xã, thị trấn có đủ năng lực, trách nhiệm để trực tiếp giúp cấp ủy và chính quyền địa phương lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt công tác xét duyệt hồ sơ cho đối tượng theo quy định.

3. Lãnh đạo các ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã - thị trấn phối hợp chỉ đạo tổ chức tuyên truyền sâu rộng, hiệu quả làm cho mọi người dân và đối tượng nhận thức được ý nghĩa về chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước quy định; tăng cường chỉ đạo công tác kiểm tra, giám sát Hội đồng Chính sách ở xã - thị trấn và đội ngũ cán bộ chuyên môn trực tiếp xét duyệt hồ sơ chính sách cho đối tượng đảm bảo chặt chẽ, công bằng, chính xác, đúng chính sách, đúng đối tượng, công khai, minh bạch, không để xảy ra sai sót, tiêu cực; chủ động phối hợp chỉ đạo giải quyết những vướng mắc, phát sinh xảy ra, tuyệt đối không để kẻ xấu lợi dụng, làm tốt công tác sơ kết, tổng kết, biểu dương, khen thưởng kịp thời những tập thể, cá nhân thực hiện hiệu quả nhân rộng kinh nghiệm, đồng thời tìm ra những khâu yếu, mặt còn hạn chế để khắc phục, có biện pháp xử lý nghiêm những hành vi vi phạm pháp luật.

Chỉ thị này có hiệu lực sau 07 ngày, kể từ ngày ký ban hành.

Ủy ban nhân dân huyện yêu cầu các ban, ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã - thị trấn chỉ đạo tổ chức nghiêm Chỉ thị này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Minh Tấn

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb.ubnd@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng

Giá: 14.000 đồng